

Số: 1001/QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Tài liệu hướng dẫn khai thác của
Cơ sở cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát**

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/08/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay và Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/06/2017;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt; Quyết định số 371/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc sửa đổi Điều 3 của Quyết định số 651/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2633/QĐ-CHK ngày 24/11/2022 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành hướng dẫn biên soạn Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

Xét đề nghị của Cảng HKQT Nội Bài và theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tài liệu hướng dẫn khai thác của Cơ sở cung cấp dịch vụ dẫn đường hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (có phụ đính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/05/2024 và bãi bỏ Quyết định số 2121/QĐ-CHK ngày 30/9/2022 của Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 3. Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, QLHĐB (NT.05b).



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hồ Minh Tấn

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI

TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN KHAI THÁC
(OPERATIONS MANUAL)

CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI

*(Ban hành kèm theo Quyết định 1001/QĐ-CHK ngày 04/5/2024 của
Cục Hàng không Việt Nam)*



Phiên bản: 01/2024

DANH MỤC CÁC PHIÊN BẢN TÀI LIỆU

Số phiên bản Tài liệu	Số/ngày quyết định	Ngày áp dụng	Ghi chú nội dung thay đổi
PB 01	1001/QĐ-CHK ngày 04/5/2024	10/05/2024	Thay đổi địa điểm của một số vị trí làm việc Cập nhật thêm Hướng dẫn về Tiêu chuẩn Viễn thông hàng không - Tập 1; hướng dẫn về kiểm tra hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không vào Tài liệu tham chiếu; Bổ sung thêm mô tả phương thức đưa thông số về trạng thái của hệ thống ILS/DME lên TWR.

MỤC LỤC

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng	I-1
1.2. Cơ sở pháp lý và tài liệu tham chiếu	I-1
1.3. Quy ước viết tắt	I-2
1.4. Giải thích thuật ngữ	I-3
1.5. Các quy định chung khác	I-3

Chương 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Mục 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

2.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở	II-1
2.2. Cơ cấu tổ chức của ca trực.	II-1
2.3. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ sở	II-2
2.4. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng/Phó trưởng cơ sở	II-3
2.5. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội/Tổ	II-4
2.6. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội trưởng/Tổ trưởng	II-9
2.7. Trách nhiệm của các vị trí trực và các nhân viên khác	II-11

Mục 2. QUẢN LÝ CA TRỰC

2.8. Tổ chức trực (chế độ trực, các vị trí trực)	II-12
2.9. Giao ca, nhận ca và duy trì ca trực	II-12
2.10. Quy định về chuyển giao trách nhiệm ca trực	II-13
2.11. Kiểm tra, giám sát ca trực	II-13

Mục 3. LƯU TRỮ VĂN BẢN TÀI LIỆU

2.12. Danh mục văn bản, tài liệu lưu trữ	II-14
2.13. Chế độ, vị trí, người lưu trữ	II-16
2.14. Chế độ kiểm tra	II-16

Chương 3: VỊ TRÍ LÀM VIỆC VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

Mục 1. VỊ TRÍ LÀM VIỆC

3.1. Mô tả cơ sở hạ tầng	III-1
3.2. Các vị trí làm việc, khu nghỉ giữa giờ và các vị trí liên quan khác.	III-4
3.3. Bảng hiệu, ký hiệu liên quan, di chuyển trong khu vực làm việc	III-4
3.4. Nội quy ra vào cơ sở, vị trí làm việc, tiếp đón khách tham quan	III-5

Mục 2. KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

3.5. Danh mục các hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị sử dụng	III-5
---	-------

3.6. Mô tả tóm tắt bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền	III-5
3.7. Tóm tắt tính năng khai thác, các sản phẩm của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị	III-7
3.8. Cách khai thác sử dụng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị và các ứng dụng	III-9
3.9. Quy định về phối hợp xử lý khi có hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật	III-9
3.10. Các quy định, hướng dẫn khác (nếu có)	III-10

Chương 4: PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1. Mô tả khu vực trách nhiệm	IV-1
4.2. Đối tượng cung cấp dịch vụ	IV-1
4.3. Mô tả nội dung cung cấp dịch vụ, các phương thức khai thác và các quy định/lưu ý khác	IV-1
4.4. Hiệp đồng/hợp đồng cung cấp dịch vụ.	IV-1
4.5. Phương thức xử lý các trường hợp bất thường trong quá trình cung cấp dịch vụ.	IV-1
4.6. Các giới hạn/điểm cần lưu ý	IV-1

Chương 5: QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP

5.1. Các loại quy trình	V-1
5.2. Quy trình xử lý các trường hợp bất thường	V-2

Chương 6: HUẤN LUYỆN VÀ GIẤY PHÉP/NĂNG ĐỊNH

6.1. Các loại hình huấn luyện	VI-1
6.2. Lập và lưu trữ kế hoạch, báo cáo kết quả và hồ sơ huấn luyện	VI-2
6.3. Các lưu ý về đề nghị cấp/gia hạn giấy phép/năng định	VI-2

Chương 7: LẬP BÁO CÁO, TỔNG HỢP SỐ LIỆU VÀ SẢN PHẨM

7.1. Các loại báo cáo phải lập, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện	VII-1
7.2. Các loại số liệu tổng hợp, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện	VII-1
7.3. Các loại sản phẩm lưu trữ	VII-2

Danh mục các phụ lục

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng

1.1.1. Mục đích

– Tài liệu này hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và quản lý hành chính; vị trí làm việc và khai thác sử dụng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật; phương thức cung cấp dịch vụ; quy trình tác nghiệp; huấn luyện và giấy phép/ năng định; lập báo cáo, tổng hợp số liệu và sản phẩm làm cơ sở tổ chức, khai thác Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (sau đây gọi là CSCCDV dẫn đường Nội Bài).

– Tài liệu này làm cơ sở hướng dẫn nhân viên kỹ thuật tuân thủ các quy trình khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong quá trình tác nghiệp chuyên môn bảo đảm hoạt động bay và các cán bộ, nhân viên liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

– Tài liệu này làm cơ sở thực hiện công tác huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành.

1.1.2. Phạm vi

– Tài liệu này được áp dụng trong phạm vi CSCCDV dẫn đường Nội Bài trực thuộc Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

1.1.3. Đối tượng

– Tất cả cán bộ, nhân viên của CSCCDV dẫn đường Nội Bài và các đối tượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

1.2. Cơ sở pháp lý và tài liệu tham chiếu

– Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

– Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 Quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.

– Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

– Thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

– Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay; Thông tư số 32/2021/TT-BGTVT ngày 14/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.
- Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không và Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT.
- Phụ ước 10 (tập 1-5) về viễn thông hàng không của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).
- Phụ ước 14 (tập 1) về khai thác và thiết kế sân bay của ICAO.
- DOC 8071 Hướng dẫn kiểm tra hệ thống dẫn đường vô tuyến mặt đất, hệ thống dẫn đường vệ tinh và hệ thống radar giám sát của ICAO.
- DOC 9157 Sổ tay thiết kế sân bay của ICAO.
- Các tài liệu nghiệp vụ liên quan khác của ICAO.
- Quyết định số 2091A/QĐ-CHK ngày 24/10/2023 ban hành Tài liệu hướng dẫn về Tiêu chuẩn - Viễn thông hàng không - Tập I - Các hệ thống, thiết bị phụ trợ dẫn đường vô tuyến hàng không và Quyết định số 2900/QĐ-CHK ngày 22/12/2023 ban hành Tài liệu hướng dẫn kiểm tra hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không của Cục hàng không Việt Nam.
- Quyết định số 2633/QĐ-CHK ngày 24/11/2022 của Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành hướng dẫn việc biên soạn Tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.
- Quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về Quy chế tổ chức và hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Nội Bài trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
- Quyết định của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Nội Bài về việc Quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Đội/Tổ trực thuộc các đơn vị thuộc Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
- Quyết định của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Nội Bài về việc phê duyệt chức danh Trưởng/phó trưởng cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
- Tài liệu hướng dẫn vận hành, khai thác, bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống thiết bị thông tin, dẫn đường hàng không đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành.

1.3. Quy ước viết tắt

- **ACV** (*Airports Corporation of Vietnam*): Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.
- **CAAV** (*Civil Aviation Authority of Vietnam*): Cục Hàng không Việt Nam.
- **CN** (*Communication Navigation*): Thông tin dẫn đường hàng không.
- **DME** (*Distance Measuring Equipment*): Thiết bị đo cự ly bằng vô tuyến.

- **Đường CHC (Runway)**: Đường cất hạ cánh.
- **GP (Glide Path)**: Đài chỉ góc hạ cánh thuộc hệ thống ILS.
- **ICAO (International Civil Aviation Organization)**: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.
- **ILS (Instrument Landing System)**: Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
- **LLZ (Localizer)**: Đài chỉ hướng hạ cánh thuộc hệ thống ILS.
- **NAOC (Noi Bai Airfield Operation Center)**: Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài.
- **NDB (Non Directional radio Beacon)**: Đài dẫn đường vô hướng.
- **NIA (Noi Bai International Airport)**: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
- **PCCC**: Phòng cháy chữa cháy.
- **TWR (Aerodrome Control Tower)**: Đài Kiểm soát tại sân bay Nội Bài.
- **UPS (Uninterruptible Power Supply)**: Nguồn cung cấp điện liên tục.

1.4. Giải thích thuật ngữ

- “**Bảo dưỡng**” là việc kiểm tra đánh giá, vệ sinh công nghiệp, hiệu chỉnh hoặc thay thế bộ phận không đủ tiêu chuẩn khai thác.
- “**Đài kiểm soát tại sân bay**” là một đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ điều hành bay đối với hoạt động bay tại sân bay.
- “**Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật CN**” là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đang được sử dụng, sẵn sàng đưa vào sử dụng để cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường.
- “**Khai thác**” là việc sử dụng hiệu quả các chức năng của hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị nhằm đạt được mục đích xác định.
- “**Sửa chữa**” là việc phục hồi hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị để đạt tình trạng hoạt động bình thường phù hợp với tiêu chuẩn đã phê chuẩn.

1.5. Các quy định chung khác

1.5.1. Phân cấp quản lý, đơn vị quản lý cấp trên

- CSCCDV dẫn đường Nội Bài trực thuộc Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài, Cảng HKQT Nội Bài, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
- Đội Thiết bị Thông tin dẫn đường và đội Thiết bị Cơ, điện, đèn sân bay là hai đơn vị trực thuộc CSCCDV dẫn đường Nội Bài.
- CSCCDV dẫn đường Nội Bài chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn nghiệp vụ cán bộ, nhân viên thuộc quyền và hỗ trợ nghiệp vụ cho các Cảng hàng không khu vực miền Bắc.

1.5.2. Chế độ hoạt động

- Thiết bị CN phục vụ hàng không dân dụng: các hệ thống ILS/DME, Marker, hoạt động 24/7.
- Thiết bị CN phục vụ hoạt động bay quân sự: các đài dẫn đường NDB, hoạt động 24/7.

1.5.3. Tu chỉnh tài liệu

- Tài liệu hướng dẫn khai thác này được xem xét tu chỉnh định kỳ 02 lần/năm vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm hoặc tu chỉnh đột xuất khi cần thiết.
- Trưởng cơ sở trực tiếp quản lý CSCCDV dẫn đường Nội Bài có trách nhiệm thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và báo cáo cấp trên để làm thủ tục theo quy định của ACV trình CAAV phê duyệt.

CHƯƠNG 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC

2.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở

- Về mặt hành chính:
 - + CSCCDV dẫn đường Nội Bài trực thuộc Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
 - + Gồm 02 đơn vị trực thuộc là: Đội Thiết bị Thông tin dẫn đường và đội Thiết bị Cơ, điện, đèn sân bay trực thuộc NAOC.
- Cơ cấu tổ chức của CSCCDV dẫn đường Nội Bài như sau:
 - + Trưởng cơ sở và các Phó trưởng cơ sở.
 - + Đội Thiết bị Thông tin dẫn đường:
 - Tổ Kỹ thuật dẫn đường.
 - Tổ Đài dẫn đường.
 - Tổ Thông tin và đường dây.
 - + Đội Thiết bị Cơ, điện đèn sân bay:
 - Tổ Trạm nguồn.
 - Tổ Điện cơ.

2.2. Cơ cấu tổ chức ca trực

- Ca trực tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài luôn duy trì công tác vận hành khai thác và đảm bảo kỹ thuật các trang thiết bị phục vụ bay hoạt động liên tục 24/24h.
- Cơ cấu tổ chức ca trực gồm:
 - + Trưởng hoặc Phó trưởng cơ sở.
 - + Cán bộ trực (Trực đội) của đội Thiết bị Thông tin dẫn đường và đội Thiết bị Cơ điện đèn sân bay.
 - + Nhân viên trực khai thác kỹ thuật và đảm bảo kỹ thuật:
 - Tổ Kỹ thuật dẫn đường: mỗi ca tối thiểu 03 người.
 - Tổ Đài dẫn đường: mỗi ca tối thiểu 02 người.
 - Tổ Thông tin và đường dây: mỗi ca tối thiểu 02 người.
 - Tổ Trạm nguồn: mỗi ca tối thiểu 02 người.
 - Tổ Điện cơ: mỗi ca tối thiểu 02 người.

Trong một số tình huống đặc biệt chế độ trực và số lượng nhân viên trong ca trực sẽ do Trưởng cơ sở quyết định.

2.3. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ sở

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường tại NIA theo đúng yêu cầu kỹ thuật và phục vụ hoạt động bay 24/7 tại NIA.
- Tổ chức quản lý, vận hành khai thác, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống kỹ thuật, thiết bị trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình kỹ thuật và quy định của NIA, ACV, CAAV nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục, ổn định 24/24h, phục vụ bay an toàn, hiệu quả.
- Chủ động tổ chức triển khai thực hiện các công việc được giao theo đúng chức năng nhiệm vụ quy định.
- Tổ chức chế độ trực và phân công lao động hợp lý cho các vị trí công tác nhằm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của Cơ sở theo quy định.
- Phối hợp, tham gia:
 - + Thực hiện các chương trình, kế hoạch của NIA và ACV về đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy phép cho nhân viên kỹ thuật CN.
 - + Xây dựng hồ sơ cấp phép cơ sở cung cấp dịch vụ, giấy phép khai thác trang thiết bị, giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được giao quản lý.
- Thực hiện công tác kiểm tra và hiệu chuẩn trang thiết bị dẫn đường hàng không theo kế hoạch bay hiệu chuẩn hàng năm và theo phân công của ACV và hỗ trợ các cảng hàng không khu vực miền Bắc khi được phân công.
- Xây dựng, đề xuất ban hành tài liệu khai thác, bảo dưỡng hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị CN và tổ chức áp dụng, duy trì thực hiện.
- Quản lý, cập nhật hồ sơ tài liệu quản lý chất lượng, khai thác hệ thống trang thiết bị khu bay trong phạm vi được phân công.
- Kiểm tra, giám sát các hạng mục thi công trong khu bay liên quan đến hệ thống trang thiết bị được giao quản lý.
- Hiệp đồng, phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc nghiệp vụ chuyên ngành và các nhiệm vụ được giao.
- Lập, đề xuất và thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ lao động, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị được giao theo quy định của ACV.
- Tổ chức nghiên cứu, đề xuất việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ thông tin dẫn đường hàng không.
- Tư vấn và hỗ trợ về chuyên môn liên quan cho các Cảng hàng không khu vực miền Bắc khi được phân công.
- Chủ động kiến nghị, đề xuất với Giám đốc NAOC, NIA và ACV về các vấn đề, những thuận lợi, khó khăn liên quan đến công tác quản lý, cơ cấu tổ chức, lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật dẫn đường nhằm đảm bảo đơn vị hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ báo cáo (định kỳ, đột xuất, ..) theo quy định và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
- Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, NIA và ACV về nội quy lao động, an toàn lao động, an ninh an toàn hàng không, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường tại đơn vị.
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư, công cụ, dụng cụ lao động, bảo hộ lao động và phương tiện sản xuất được giao, được cấp dưới mọi hình thức.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do ACV, NIA và NAOC giao.

2.4. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng/Phó trưởng cơ sở

2.4.1. Trưởng cơ sở

- Tổ chức, điều hành chung mọi hoạt động của CSCCDV dẫn đường Nội Bài theo chức năng, nhiệm vụ và theo trách nhiệm, quyền hạn đã được quy định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc NAOC/ NIA về công tác tổ chức, quản lý CSCCDV dẫn đường Nội Bài đảm bảo cung cấp dịch vụ dẫn đường trong khu vực trách nhiệm đạt chất lượng và hiệu quả.
- Quản lý, bố trí, sắp xếp nhân sự, cơ cấu tổ chức đảm bảo đáp ứng đúng tiêu chuẩn chức danh công việc và quản lý, khai thác hiệu quả toàn bộ cơ sở hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị được giao nhằm đảm bảo duy trì hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị hoạt động phục vụ cho công tác điều hành bay không bị gián đoạn
- Chủ động đề xuất, kiến nghị với cấp trên xem xét, quyết định về các giải pháp, cơ chế, chính sách, chế độ quản lý, cơ cấu tổ chức và các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành của Cơ sở.
- Tham gia trực điều hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài và ghi chép tình hình ca trực vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

2.4.2. Phó trưởng cơ sở

- Giúp việc trực tiếp cho Trưởng cơ sở trong việc tổ chức, quản lý điều hành tốt mọi hoạt động của Cơ sở theo trách nhiệm, quyền hạn quy định.
- Quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Cơ sở theo sự phân công, ủy quyền của Trưởng cơ sở.
- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Trưởng cơ sở, chịu trách nhiệm trước Trưởng cơ sở về các lĩnh vực được phân công phụ trách.
- Chủ động đề xuất, kiến nghị với Trưởng cơ sở xem xét, quyết định về các giải pháp, cơ chế, chính sách, chế độ quản lý, cơ cấu tổ chức và các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành của Cơ sở.
- Thay Trưởng cơ sở điều hành mọi hoạt động của cơ sở khi được ủy quyền.
- Tham gia trực điều hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài và ghi chép tình hình ca trực vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng cơ sở và Giám đốc NAOC/NIA giao.

2.5. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội/Tổ

2.5.1. Đội Thiết bị Thông tin dẫn đường

a) Trách nhiệm, quyền hạn của đội

– Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và đảm bảo kỹ thuật các hệ thống trang thiết bị thông tin dẫn đường (ILS/DME, Marker, NDB) và các hệ thống thiết bị khác (hệ thống radar thời tiết; thiết bị thông tin liên lạc, cáp thông tin mạch vòng, cáp quang; hệ thống bộ đàm kỹ thuật số chung kênh; hệ thống camera giám sát khu bay/hàng rào an ninh khu bay; ...) theo đúng quy trình kỹ thuật và quy định của NIA, ACV nhằm đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu phục vụ bay tại Cảng.

– Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật nhằm đảm bảo sự hoạt động chính xác, liên tục và ổn định của các thiết bị.

– Tham gia và thực hiện công tác khảo sát, thiết kế, thi công, lắp đặt trang thiết bị, hệ thống thông tin, dẫn đường khi được giao nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát các hạng mục thi công trong khu bay có phạm vi liên quan đến hệ thống trang thiết bị được giao quản lý.

– Tham gia:

+ Công tác bay hiệu chuẩn hệ thống thiết bị thông tin dẫn đường hàng năm.

+ Xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, bảo dưỡng và sửa chữa, kiểm định thiết bị/phương tiện được giao quản lý.

+ Xây dựng và chủ trì lập hồ sơ, triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa theo phân công.

+ Xây dựng giá, đơn giá, phí, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình và hướng dẫn thực hiện công việc của Trung tâm.

+ Xây dựng hồ sơ cấp phép cơ sở cung cấp dịch vụ và khai thác trang thiết bị được giao quản lý.

+ Xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, huấn luyện và tham gia thi giấy phép/ chứng chỉ hành nghề.

– Tham mưu giúp việc về công tác chuyên môn, nghiệp vụ thông tin dẫn đường, về kế hoạch phát triển và định hướng đầu tư các nguồn lực trong lĩnh vực này.

– Thực hiện quản lý và cập nhật hồ sơ tài liệu, lý lịch kỹ thuật, sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật của thiết bị, phương tiện, ... trong phạm vi được phân công đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý.

– Theo dõi, thống kê và thực hiện công tác theo quy định của NIA và ACV.

– Hiệp đồng, phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc nghiệp vụ chuyên ngành và các nhiệm vụ được giao.

– Chủ động tổ chức triển khai thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và chịu trách nhiệm quản lý về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài sản, phương tiện, vật tư, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành.

– Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cơ sở, NAOOC giao.

b) Tổ Kỹ thuật dẫn đường

– Quản lý, khai thác và đảm bảo kỹ thuật các thiết bị thông tin dẫn đường ILS/DME; bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống radar thời tiết: thiết bị Radar thời tiết, hệ thống đo gió đứt tầng thấp tại Cảng HKQT Nội Bài.

– Đảm bảo kỹ thuật cho các thiết bị dẫn đường NDB, Marker tại đài dẫn đường K1 và K2; các thiết bị tại phòng trực của CSCCDV dẫn đường Nội Bài; các đầu cuối thiết bị.

– Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa trang thiết bị theo quy định, đảm bảo hệ thống thiết bị hoạt động theo đúng yêu cầu thông số kỹ thuật; tham gia công tác bay hiệu chuẩn hệ thống thiết bị thông tin dẫn đường hàng năm.

– Chủ trì thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các thiết bị thông tin dẫn đường theo quy định.

– Tham gia trực kỹ thuật, giám sát thiết bị ILS/DME, NDB SA50 (K), Middle Marker tại phòng trực của CSCCDV dẫn đường Nội Bài.

– Tham gia xây dựng và chủ trì lập hồ sơ, triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán đối với các hạng mục được phân công.

– Tham mưu giúp việc về công tác chuyên môn, nghiệp vụ thông tin dẫn đường, kế hoạch phát triển và định hướng đầu tư các nguồn lực trong lĩnh vực này.

– Phối hợp xây dựng hồ sơ cấp phép cơ sở cung cấp dịch vụ thông tin dẫn đường và tham gia xây dựng hồ sơ cấp phép khai thác trang thiết bị.

– Lập và cập nhật, quản lý hồ sơ tài liệu quản lý an toàn chất lượng khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống trang thiết bị khu bay trong phạm vi được phân công.

– Tham gia xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, huấn luyện và tham gia thi giấy phép/ chứng chỉ hành nghề.

– Kiểm tra và giám sát các hạng mục thi công trong khu bay có phạm vi liên quan đến hệ thống trang thiết bị được giao quản lý.

– Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

c) Tổ Đài dẫn đường

– Quản lý các thiết bị dẫn đường NDB, Marker và các thiết bị điện nguồn được giao tại đài dẫn đường K1, K2.

– Trực kỹ thuật, giám sát thiết bị NDB/Marker tại đài dẫn đường K2.

– Thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các trang thiết bị được giao theo quy định.

– Tham gia và giám sát công tác bảo dưỡng, sửa chữa; xây dựng tài liệu hướng dẫn khai thác các thiết bị được giao và tổ chức thực hiện.

– Tham gia các khóa đào tạo huấn luyện do NAOC và NIA tổ chức; thi năng định, chứng chỉ hành nghề theo quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

d) Tổ Thông tin và đường dây

- Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống thông tin liên lạc, cáp thông tin mạch vòng, cáp quang, cáp điều khiển khu bay.

- Tổ chức quản lý, khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống bộ đàm kỹ thuật số chung kênh tại NIA.

- Tổ chức quản lý, khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống Camera giám sát khu bay và Camera hàng rào an ninh khu bay tại NIA.

- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa trang thiết bị theo quy định, đảm bảo hệ thống thiết bị hoạt động theo đúng yêu cầu thông số kỹ thuật.

- Thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các trang thiết bị được giao theo quy định.

- Tham gia xây dựng và chủ trì lập hồ sơ, triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán đối với các hạng mục được phân công.

- Lập và cập nhật, quản lý hồ sơ tài liệu quản lý an toàn chất lượng khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống trang thiết bị khu bay trong phạm vi được phân công.

- Phối hợp xây dựng hồ sơ cấp phép khai thác trang thiết bị.

- Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.5.2. Đội Thiết bị Cơ điện đèn sân bay

a) Trách nhiệm, quyền hạn của đội

- Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và đảm bảo kỹ thuật các hệ thống trang thiết bị điện cơ, hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ T1, Ô 15, hệ thống đèn hàng rào an ninh khu bay, hệ thống tủ cấp nguồn hạ thế tại các đài trạm SS2, SS4, SS5, SS6, K1, K2, LLZ 11R, GP11R.

- Phối hợp với Trung tâm Khai thác ga Nội Bài đảm bảo kỹ thuật hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay khu vực Nhà ga hành khách T2.

- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật nhằm đảm bảo sự hoạt động chính xác, liên tục và ổn định của các thiết bị điện cơ, điện lạnh, UPS, tủ lọc song hài, hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay, hệ thống đèn hàng rào an ninh khu bay, phương tiện và các trang thiết bị được giao khác.

- Tham gia, thực hiện công tác khảo sát, thiết kế, thi công, lắp đặt trang thiết bị, hệ thống thông tin, dẫn đường khi được giao nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát các hạng mục thi công trong khu bay có phạm vi liên quan đến hệ thống trang thiết bị được giao quản lý.

- Tham gia:

- + Công tác bay hiệu chuẩn hàng năm.

- + Trực giám sát tình trạng trang thiết bị hệ thống ILS/DME tại Đài kiểm soát không lưu Nội Bài.
- + Xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, bảo dưỡng và sửa chữa, kiểm định, đăng kiểm trang thiết bị được giao quản lý.
- + Xây dựng và chủ trì lập hồ sơ, triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa theo phân công.
- + Xây dựng giá, đơn giá, phí, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình và hướng dẫn thực hiện công việc của Trung tâm.
- + Xây dựng hồ sơ cấp phép cơ sở cung cấp dịch vụ và khai thác trang thiết bị được giao quản lý.
- + Xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, huấn luyện và tham gia thi giấy phép/ chứng chỉ hành nghề.
 - Tham mưu giúp việc về công tác chuyên môn, nghiệp vụ điện cơ, điện lạnh, kế hoạch phát triển và định hướng đầu tư các nguồn lực trong lĩnh vực này.
 - Tổ chức cung ứng dịch vụ kỹ thuật như lắp đặt, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành.
 - Thực hiện quản lý và cập nhật hồ sơ tài liệu, lý lịch kỹ thuật, sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật của thiết bị, phương tiện, ... trong phạm vi được phân công đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý.
 - Theo dõi, thống kê và thực hiện công tác theo quy định của NIA và ACV.
 - Hiệp đồng, phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc nghiệp vụ chuyên ngành và các nhiệm vụ được giao.
 - Chủ động tổ chức triển khai thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và chịu trách nhiệm quản lý về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài sản, phương tiện, vật tư, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cơ sở, NAOOC giao.

b) Tổ Trạm nguồn

- Tổ chức việc quản lý các trang thiết bị tại trạm SS2, SS4, SS5, SS6 gồm: hệ thống tủ phân phối hạ thế, hệ thống UPS, máy điều dòng, tủ cắt lọc sóng hài, hệ thống điều khiển liên quan và cơ sở vật chất tại nhà trạm.
- Thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các trang thiết bị tại các trạm điện SS2, SS4, SS5, SS6 (tủ phân phối hạ thế, tủ cắt lọc sóng hài, hệ thống UPS, ...).
- Chủ trì phối hợp thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy điều dòng.
- Thực hiện công tác sửa chữa các máy móc công trình, máy móc cầm tay do trung tâm quản lý.
- Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, bảo dưỡng và sửa chữa, kiểm định, đăng kiểm trang thiết bị được giao quản lý; xây dựng và chủ trì lập hồ sơ,

triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán đối với các hạng mục được phân công.

- Tham mưu giúp việc về chuyên môn, nghiệp vụ; kế hoạch phát triển và định hướng đầu tư các nguồn lực trong lĩnh vực được giao phụ trách.

- Tham gia xây dựng giá, đơn giá, phí, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình và hướng dẫn thực hiện công việc của Trung tâm.

- Lập và cập nhật, quản lý hồ sơ tài liệu quản lý an toàn chất lượng khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống trang thiết bị cấp nguồn trong phạm vi được phân công.

- Tham gia xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, huấn luyện và tham gia thi giấy phép/ chứng chỉ hành nghề.

- Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

c) Tổ Điện cơ

- Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống chiếu sáng sân đỗ tàu bay khu vực Nhà ga hành khách T1, sân đỗ Ô 15 và đèn sân đỗ quân sự, cột 53A-56.

- Đảm bảo kỹ thuật cho các thiết bị cấp nguồn hạ thế, UPS, tủ cắt lọc song hài và trang thiết bị điện cơ tại các đài trạm thuộc khu Trung tâm quản lý.

- Phối hợp với Trung tâm Khai thác ga Nội Bài bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tại các cột đèn hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay khu vực Nhà ga hành khách T2.

- Bảo trì, bảo dưỡng cho các thiết bị nguồn hạ thế tại trạm nguồn cho các trang thiết bị phục vụ hoạt động bay như: trạm nguồn đài dẫn đường K1/K2, trạm biến áp đài LLZ 11R/GP 11R (tủ phân phối hạ thế, tủ cắt lọc sóng hài, hệ thống UPS...).

- Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa hệ thống hàng rào an ninh khu bay và các trang thiết bị được giao khác.

- Quản lý và phối hợp với Trung tâm DVKT hàng không Nội Bài đảm bảo hệ thống nguồn mạch vòng trung thế SS2, SS4, SS5, SS6, đài K1 và tuyến K1-K2 (cáp trung thế, máy đóng cắt và máy phát điện dự phòng).

- Thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các trang thiết bị hệ thống chiếu sáng sân đỗ tàu bay.

- Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm vật tư, bảo dưỡng và sửa chữa, trang thiết bị được giao quản lý; xây dựng và chủ trì lập hồ sơ, triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa, biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán đối với các hạng mục được phân công.

- Tham mưu giúp việc về chuyên môn, nghiệp vụ; kế hoạch phát triển và định hướng đầu tư các nguồn lực trong lĩnh vực được giao phụ trách.

- Tham gia xây dựng giá, đơn giá, phí, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình và hướng dẫn thực hiện công việc của Trung tâm.

- Phối hợp xây dựng hồ sơ cấp phép khai thác trang thiết bị được giao quản lý.
- Lập và cập nhật, quản lý hồ sơ tài liệu quản lý an toàn chất lượng khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống trang thiết bị khu bay trong phạm vi được phân công.
- Tham gia xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, huấn luyện và tham gia thi giấy phép/ chứng chỉ hành nghề.
- Chịu trách nhiệm quản lý các trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ được giao theo quy định hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.6. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội trưởng/Tổ trưởng

2.6.1. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội trưởng đội Thiết bị Thông tin dẫn đường

- Chỉ đạo, điều hành và quản lý toàn bộ mọi hoạt động của đội theo chức năng nhiệm vụ được giao theo và chịu trách trước Giám đốc Trung tâm/ Trưởng cơ sở về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội.
- Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc/ Trưởng cơ sở trong các lĩnh vực được giao phụ trách.
- Quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên thuộc quyền.
- Trực tiếp điều hành các mảng công tác sau:
 - + Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác; kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thông tin dẫn đường của Đội.
 - + Trực tiếp theo dõi và tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định các trang thiết bị thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Đội.
 - + Lập và cập nhật, quản lý hồ sơ tài liệu an toàn chất lượng khai thác và đảm bảo kỹ thuật hệ thống trang thiết bị thông tin dẫn đường khu bay trong phạm vi trách nhiệm được phân công.
 - + Trực tiếp theo dõi, giám sát, chỉ đạo triển khai công tác thi đua, khen thưởng; duy trì kỷ luật lao động và giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.
 - + Chủ trì xây dựng/chỉnh sửa hệ thống IMS, hệ thống quản lý chất lượng IMS của Đội, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành.
 - + Chỉ đạo lập báo cáo chuyên môn định kỳ và đột xuất
- Được đề xuất với Giám đốc Trung tâm/ Trưởng cơ sở về khen thưởng, kỷ luật cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý.
- Tham gia trực điều hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài và ghi chép tình hình ca trực vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

2.6.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội trưởng đội Thiết bị Cơ điện đèn sân bay

- Chỉ đạo, điều hành và quản lý toàn bộ mọi hoạt động của đội theo chức năng nhiệm vụ được giao theo và chịu trách trước Giám đốc Trung tâm/ Trưởng cơ sở về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội.

- Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc/ Trưởng cơ sở trong các lĩnh vực được giao phụ trách.
- Quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên thuộc quyền.
- Chủ trì và chỉ đạo:
 - + Công tác xây dựng hồ sơ cấp phép khai thác trang thiết bị;
 - + Công tác lắp đặt mới các trang thiết bị kỹ thuật và bay kiểm tra hiệu chuẩn.
 - + Xây dựng, kiểm tra duy trì và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý an toàn chất lượng (ISO/SMS và CS) của đội.
- Trực tiếp điều hành các mảng công tác sau:
 - + Công tác kế hoạch, tổ chức và lao động tiền lương, thi đua khen thưởng và kỷ luật; công tác phòng chống thiên tai.
 - + Theo dõi và chỉ đạo thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị được giao quản lý.
- Được đề xuất với Giám đốc Trung tâm/ Trưởng cơ sở về khen thưởng, kỷ luật cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý.
- Tham gia trực điều hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài và ghi chép tình hình ca trực vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp có thẩm quyền.

2.6.3. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổ trưởng

- Chịu trách nhiệm trước Đội trong việc quản lý tài sản, trang thiết bị của tổ; quản lý nhân viên, điều động nội bộ và tổ chức hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Tổ trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng tiến độ thời gian và đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp về mọi mặt của cán bộ Đội.
- Thực hiện chế độ báo cáo, ghi chép sổ sách theo quy định với các nội dung sau: Tình hình hoạt động của tổ; tình trạng trang thiết bị; các công việc đã thực hiện; dự kiến kế hoạch; bảng chấm công tháng đối với các nhân viên trong tổ; tiêu thụ nhiên liệu, vật tư, ...
- Đề xuất với cán bộ Đội những khó khăn vướng mắc trong công tác để được giải quyết, nhằm tạo điều kiện cho tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức huấn luyện thường xuyên tại chỗ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý khai thác có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật.
- Chủ động đề xuất các ý kiến liên quan đến công việc được giao.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do cán bộ Đội phân công.

2.7. Trách nhiệm của các vị trí trực và các nhân viên khác

- Chịu sự phân công trực tiếp từ Tổ trưởng.

- Thực hiện công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật hoặc triển khai lắp đặt các công trình mới trong kế hoạch hằng tuần đã được thông qua.

- Nắm vững về mặt kỹ thuật các thiết bị được phân công phụ trách, xử lý kịp thời, có hiệu quả các sự cố kỹ thuật xảy ra trong ca trực, đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục phục vụ bay an toàn.

- Kiểm tra thường xuyên các tham số kỹ thuật. Phát hiện và báo cáo kịp thời tình trạng hỏng hóc của thiết bị khi có sự cố kỹ thuật xảy ra trong ca trực.

- Phát hiện và báo cáo tình trạng hỏng hóc của thiết bị, phối hợp kịp thời để nhanh chóng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố kỹ thuật xảy ra trong ca trực theo đúng chức trách nhiệm vụ.

- Thực hiện ghi chép sổ sách trong ca trực đầy đủ, rõ ràng; thống kê, báo cáo theo quy định.

- Quản lý tài sản, dụng cụ đồ nghề, các phương tiện PCCC thuộc phạm vi tổ quản lý.

- Chấp hành nghiêm túc các nội quy của đơn vị, quy định về an ninh, an toàn hàng không, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc. Sử dụng thành thạo các phương tiện, công cụ PCCC.

- Thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có trách nhiệm tham gia thi chứng chỉ năng định theo quy định.

- Nghiên cứu khoa học, đề xuất cải tiến kỹ thuật hoặc phương án tổ chức sửa chữa, ứng dụng kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ.

- Tham gia soạn thảo các quy trình, hướng dẫn công việc, định mức kỹ thuật,

...

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổ trưởng, cán bộ Đội phân công.

Mục 2

QUẢN LÝ CA TRỰC

2.8. Tổ chức trực (chế độ trực, các vị trí trực)

2.8.1. Chế độ trực

CSCCDV dẫn đường Nội Bài được bố trí chế độ trực 24/24h theo thời gian quy định cụ thể như sau:

- Trưởng/ Phó trưởng cơ sở trực điều hành theo giờ hành chính (từ thứ Hai đến thứ Sáu, giờ làm việc hàng ngày theo quy định của ACV/ NIA).
- Cán bộ trực (Trực đội), Nhân viên trực khai thác kỹ thuật và đảm bảo kỹ thuật trực 24/24h theo chế độ trực 02 ca/ 1 ngày; ca trực ngày từ 08h00 ÷ 20h00 và ca trực đêm từ 20h00 ÷ 08h00 ngày hôm sau.

Trong một số tình huống đặc biệt chế độ trực và số lượng nhân viên trong ca trực sẽ do Trưởng cơ sở quyết định.

2.8.2. Các vị trí trực

- Trực điều hành Cơ sở (Trưởng/ Phó trưởng cơ sở): Tầng 5, toàn nhà Điều hành NIA; hoặc phòng trực của các đội; hoặc Trụ sở chính của CSCCDV dẫn đường Nội Bài.
- Cán bộ trực (Trực đội): Phòng trực của các đội; hoặc Trụ sở chính của CSCCDV dẫn đường Nội Bài.
- Tổ Kỹ thuật dẫn đường: Trụ sở chính của CSCCDV dẫn đường Nội Bài.
- Tổ Đài dẫn đường: Đài dẫn đường K2.
- Tổ Thông tin và đường dây: Phòng trực của đội Thiết bị Thông tin dẫn đường.
- Trực kỹ thuật tại TWR: Phòng Kỹ thuật, tầng 1, TWR Nội Bài.
- Tổ Điện cơ: Phòng trực của đội Thiết bị Cơ điện đèn sân bay.
- Tổ Trạm nguồn: Trạm SS2.

2.9. Giao ca, nhận ca và duy trì ca trực

- Giao, nhận ca: Việc giao, nhận ca trực được thực hiện trước ít nhất 15 phút thời gian bắt đầu của một ca mới. Ca nhận kiểm tra tình trạng trang thiết bị, đối chiếu với các nội dung ghi trong sổ giao ca, thống nhất và ký xác nhận bàn giao vào sổ giao ca. Nếu có vấn đề gì không bình thường phải báo ngay cho cấp trên để kịp thời xử lý.

- Duy trì ca trực:
 - + Ca trực phải luôn bám sát vị trí trực, thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật.
 - + Xử lý nhanh chóng, hiệu quả các sự cố kỹ thuật trong ca trực nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động liên tục, phục vụ bay an toàn.

- + Báo cáo kịp thời các sự cố kỹ thuật của các thiết bị cho các cá nhân, đơn vị liên quan theo quy định và chức trách nhiệm vụ được giao để phối hợp, giải quyết nhanh nhất, không để xảy ra mất an toàn bay.

- + Ghi chép đầy đủ mọi thông tin của ca trực vào sổ trực ca và các sổ sách khác theo quy định.

2.10. Quy định về chuyển giao trách nhiệm ca trực

Mỗi vị trí trực phải thực hiện đúng chế độ giao/nhận ca như sau:

- Việc giao/nhận ca trực được thực hiện ngay tại vị trí trực và đúng/đủ thành viên ca giao và ca nhận.

- Trách nhiệm của người bàn giao ca trực:

- + Chỉ được rời vị trí trực sau khi hoàn tất thủ tục bàn giao ca trực tiếp cho người nhận ca trực tiếp theo, không được phép ra về khi người nhận ca chưa có mặt, không được bỏ trực trong mọi trường hợp.

- + Phải ghi đầy đủ các nội dung được quy định trong sổ trực và ký tên.

- + Phải bàn giao đầy đủ, rõ ràng toàn bộ nội dung ca trực của mình: tình trạng kỹ thuật của các hệ thống, thiết bị phục vụ bay, các sự cố kỹ thuật đã xảy ra, biện pháp đã xử lý, các nội dung công việc đã thực hiện trong ca trực, các nội dung công việc cần thực hiện tiếp theo...

- + Bàn giao đầy đủ tài sản, thiết bị, dụng cụ, đồ nghề, tài liệu và sổ sách.

- Trách nhiệm của người nhận ca trực mới:

- + Phải có mặt tại vị trí trực đúng giờ theo lịch phân công.

- + Phải đọc kỹ nội dung trong sổ trực ca trước khi ký tên người nhận.

- + Phải trao đổi với người trực ca trực trước để nắm rõ những vấn đề về công việc cần tiếp tục thực hiện và những điểm cần lưu ý.

- + Kiểm tra tài sản, thiết bị, dụng cụ, tài liệu và sổ sách được bàn giao.

- Trong mỗi ca trực phải phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị liên quan để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.11. Kiểm tra, giám sát ca trực

- Hình thức kiểm tra:

- + Kiểm tra, giám sát định kỳ.

- + Kiểm tra, giám sát đột xuất.

- Nội dung: kiểm tra đối với ca trực toàn bộ hoặc một số nội dung về việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn của đơn vị; về chất lượng công tác chuyên môn, cung cấp dịch vụ thông tin dẫn đường phục vụ họa động bay; về tình trạng kỹ thuật của trang thiết bị; về việc chấp hành kỷ luật và nội quy lao động.

- Người thực hiện: Trưởng/ Phó trưởng cơ sở.

- Tần suất:

- + Kiểm tra, giám sát định kỳ: tối thiểu 01 lần/ 01 tuần.

+ Kiểm tra, giám sát đột xuất: thực hiện khi điều kiện thời tiết phức tạp hoặc trang thiết bị có sự cố hoặc bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết.

– Nội dung và kết quả kiểm tra phải được ghi nhận vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.

Mục 3

LƯU TRỮ VĂN BẢN TÀI LIỆU

2.12. Danh mục văn bản, tài liệu lưu trữ

2.12.1. Văn bản, tài liệu của Việt Nam

a) Luật, Nghị định, Thông tư

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.
- Luật Tàn số vô tuyến điện.
- Nghị định về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay; về quản lý hoạt động bay; về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
- Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.
- Thông tư về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.
- Thông tư về quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.
- Thông tư Quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

b) Văn bản, tài liệu của CAAV

- Hướng dẫn việc thực hiện quy định, khuyến cáo thực hành của ICAO (Annex 14, Volume I) về thiết kế, khai thác sân bay.
- Hướng dẫn việc thực hiện quy định, khuyến cáo thực hành của ICAO (DOC 9157) về Hệ thống điện sân bay/ Độ dễ gãy/ ...
- Hướng dẫn việc thực hiện quy định của ICAO về Quy trình dịch vụ dẫn đường hàng không – sân bay (DOC 9981)
- Hướng dẫn việc thực hiện quy định, khuyến cáo thực hành của ICAO (DOC 9476) về hệ thống kiểm soát và hướng dẫn di chuyển tại sân (SMGCS).
- Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn – Viễn thông hàng không.
- Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn – Thiết bị hỗ trợ bằng mắt.
- Tài liệu hướng dẫn/ tiêu chuẩn về khai thác sân bay trong mọi điều kiện thời tiết.
- Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Nội Bài.

- Hướng dẫn về việc biên soạn Tài liệu đường dẫn khai thác của CSCCDV bảo đảm hoạt động bay (ANS).

- Phương thức khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế tại Cảng HKQT Nội Bài.

- Giấy phép khai thác cho CSCCDV dẫn đường Nội Bài
- Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.
- Quyết định phê duyệt kết quả bay kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị.
- Quyết định số 999/QĐ-CHK ngày 11/5/2023 của Cục HKVN v/v hủy bỏ các phương thức HKDD sử dụng đài NDB tại các sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Bài, Thọ Xuân, Vinh, Chu Lai, Pleiku, Phù Cát, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột và Liên Khương.

- Các văn bản tài liệu liên quan đến công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay do Cục HKVN ban hành.

c) Văn bản phối hợp, hiệp đồng liên quan

d) Văn bản, tài liệu khác

- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.
- Quy chế Quản lý kỹ thuật của ACV và NIA.
- Các Quy định về công tác an toàn, báo cáo an toàn hàng không của ACV, NIA.

- Tài liệu khai thác, bảo dưỡng các hệ thống kỹ thuật, thiết bị do ACV, NIA ban hành.

- Tài liệu kỹ thuật tiếng Anh hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống, thiết bị do nhà sản xuất, cung cấp thiết bị ban hành.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ của NIA, NAOC và của cán bộ, nhân viên CSCCDV dẫn đường Nội Bài.

- Hệ thống tài liệu quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng của Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

- Các quy định, tài liệu nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định.

2.12.2. Văn bản, tài liệu quốc tế của ICAO

- Phụ ước 5: đơn vị đo lường sử dụng trong khai thác hoạt động bay dân dụng (*Annex 5: Unit of Measurement to be Used in Air and Ground Operations*).

- Phụ ước 10 (tập 1-5): Viễn thông hàng không (*Annex 10: Aeronautical Telecommunications*).

- Phụ ước 14 (tập 1): Thiết kế và khai thác sân bay (*Annex 14 volume 1: Aerodromes Design and Operations*).

- Tài liệu DOC 8071: Hướng dẫn kiểm tra hệ thống dẫn đường vô tuyến mặt đất, hệ thống dẫn đường vệ tinh và hệ thống radar giám sát.

- Tài liệu DOC 9157: Sổ tay thiết kế sân bay (*Aerodrome Design Manual*).

- Tài liệu DOC 9476: Hệ thống kiểm soát và hướng dẫn di chuyển tại sân (SMGCS).
- Tài liệu DOC 9981: Quy trình dịch vụ dẫn đường hàng không, sân bay.
- Các tài liệu nghiệp vụ liên quan khác của ICAO.

2.13. Chế độ, vị trí, người lưu trữ

2.13.1. Chế độ lưu trữ

- Tất cả các văn bản tài liệu được lưu trữ cho đến khi có cập nhật hoặc ban hành mới hoặc hủy bỏ.
- Trưởng/Phó trưởng cơ sở có trách nhiệm lập hệ thống văn bản, tài liệu nghiệp vụ của cơ sở mình, phân công cụ thể cá nhân chịu trách nhiệm lập, duy trì, cập nhật hệ thống văn bản tài liệu theo hướng dẫn, quy định.

2.13.2. Vị trí, người lưu trữ

- Các văn bản tài liệu nêu trên được lập, lưu trữ dưới dạng bản cứng; hoặc trên trang Web của đơn vị; hoặc file mềm trên cơ sở dữ liệu/ máy tính của đơn vị hoặc lưu trữ đám mây nhưng phải đảm bảo các vị trí trực của cơ sở đều có thể truy cập và sử dụng được.
- Đối với tài liệu được lưu trữ dưới dạng bản cứng:
 - + Văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức, điều lệ hoạt động của đơn vị; văn bản tài liệu liên quan đến luật, quy chế, pháp lệnh, nghị định về chuyên ngành hàng không được lưu trữ đầy đủ tại phòng làm việc do cán bộ đội quản lý.
 - + Tài liệu hướng dẫn, sổ sách, hồ sơ, biên bản, báo cáo, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến công tác khai thác, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị được lưu trữ đầy đủ, theo quy định tại các Đội, tổ chuyên môn do Cán bộ Đội, tổ quản lý.
 - + Các loại văn bản, tài liệu liên quan khác được lưu trữ tại các Đội, tổ chuyên môn, các vị trí làm việc theo quy định của đơn vị do Cán bộ Đội, tổ, nhân viên trực quản lý.

2.14. Chế độ kiểm tra

- Hình thức và tần suất kiểm tra:
 - + Kiểm tra định kỳ: tối thiểu 02 lần/ 01 năm.
 - + Kiểm tra đột xuất: theo yêu cầu của cấp trên.
- Nội dung: kiểm tra tính đầy đủ và hiệu lực của tài liệu tại các vị trí lưu trữ theo quy định tại Mục 2.12, 2.13 nêu trên.
- Người thực hiện: Trưởng/ Phó trưởng cơ sở hoặc người được giao nhiệm vụ.
- Nội dung và kết quả kiểm tra phải được ghi nhận vào Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không.

CHƯƠNG 3: VỊ TRÍ LÀM VIỆC VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

Mục 1 VỊ TRÍ LÀM VIỆC

3.1. Mô tả cơ sở hạ tầng

3.1.1. Hệ thống thông tin dẫn đường

- Hệ thống ILS/DME đường CHC 11L
 - + Đài LLZ gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm trên trục tim kéo dài và về phía Đông của đường CHC 11L/29R, gần đầu thêm đường CHC 29R.
 - + Đài GP/DME gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm về phía Bắc của đường CHC 11L/29R, gần đầu thêm đường CHC 11L.
- Hệ thống ILS/DME đường CHC 29R
 - + Đài LLZ gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm trên trục tim kéo dài và về phía Tây của đường CHC 11L/29R, gần đầu thêm đường CHC 11L.
 - + Đài GP/DME gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm về phía Bắc của đường CHC 11L/29R, gần đầu thêm đường CHC 29R.
- Hệ thống ILS/DME đường CHC 11R
 - + Đài LLZ gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm trên trục tim kéo dài và về phía Đông của đường CHC 11R/29L, gần đầu thêm đường CHC 29L.
 - + Đài GP/DME gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm về phía Bắc của đường CHC 11R/29L (nằm giữa 2 đường CHC 11L/29R và 11R/29L), gần đầu thêm đường CHC 11R.
- Hệ thống ILS/DME đường CHC 29L
 - + Đài LLZ gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm trên trục tim kéo dài và về phía Tây của đường CHC 11R/29L, gần đầu thêm đường CHC 11R.
 - + Đài GP/DME gồm shelter đặt thiết bị được sơn trắng đỏ và khu vực ăng ten, nằm về phía Bắc của đường CHC 11R/29L (nằm giữa 2 đường CHC 11L/29R và 11R/29L), gần đầu thêm đường CHC 29L.
- Thiết bị NDB SA50, Middle Marker - K1 của đường CHC 11L
 - + Thiết bị được đặt trong shelter tại Đài dẫn đường K1.
 - + Nằm trên trục tim kéo dài và về phía Tây của đường CHC 11L/29R, gần đầu thêm đường CHC 11L và nằm trong khu bay.

- Đài NDB SA500, Outer Marker - K2 của đường CHC 11L
 - + Thiết bị được đặt trong phòng máy tại Đài dẫn đường K2.
 - + Nằm trên trục tim kéo dài và về phía Tây của đường CHC 11L/29R; nằm trong khu dân cư, ngoài khu bay.
- Đối với các thiết bị đặt trong shelter: được trang bị hệ thống chữa cháy tự động, điều hoà và máy hút ẩm để đảm bảo môi trường làm việc; hệ thống giám sát từ xa các thiết bị dẫn đường.
- Đối với các thiết bị đặt trong phòng máy: được trang bị điều hoà và máy hút ẩm để đảm bảo môi trường làm việc, có trang bị bình chữa cháy theo quy định.

3.1.2. Hệ thống cấp nguồn và cáp điều khiển

- Hệ thống cấp nguồn trung thế mạch vòng SS7 – SS5 – SS3 (Đài K1) – SS2 – SS4 – SS6 – SS7 được chôn ngầm trong khu bay.
- Hệ thống điều khiển bao gồm:
 - + Cáp điều khiển hệ thống ILS/DME được chôn ngầm trong khu bay theo các tuyến cáp quang mạch vòng TWR – SS5 – SS2 – SS4 – SS6 – TWR và cáp đồng.
 - + Khối điều khiển xa ILS/DME được lắp đặt trên TWR và được điều khiển bởi Kiểm soát viên không lưu.

3.1.3. Hạ tầng các đài trạm

a. Đài dẫn đường K1

- Nằm trong khu bay, có hàng rào bảo vệ xung quanh.
- Thiết bị dẫn đường vô tuyến gồm có: thiết bị NDB SA50 và Middle Marker.
- Nguồn điện trực tiếp: được lấy từ điện lưới 6,6 KV cấp từ trạm điện SS5 qua các máy cắt trung thế 6,6 KV và máy biến áp hạ áp 6,6/0,4 KV cấp điện cho đài.
- Nguồn dự phòng tại chỗ: máy phát điện.

b. Đài dẫn đường K2

- Nằm ngoài khu bay, có hàng rào bảo vệ xung quanh.
- Thiết bị dẫn đường vô tuyến gồm có: thiết bị NDB SA500 và Outer Marker.
- Nguồn điện trực tiếp: được lấy từ điện lưới 6,6KV cấp từ trạm điện SS5, qua trạm trung gian tại đài K1, qua các máy cắt trung thế 6,6KV và máy biến áp hạ áp 6,6/0,4KV cấp điện cho đài.
- Nguồn dự phòng tại chỗ: máy phát điện.

c. Trạm điện SS2

- Đặt tại phía Bắc, gần đường lãn quân sự N1, phía đầu đường CHC 11L; nằm trên mạch vòng cấp điện lưới trung thế SS7 - SS5 - Đài K1 - SS2 - SS4 - SS6 - SS7. Trạm điện SS2 phục vụ hoạt động khai thác hệ thống thiết bị khu bay bao gồm: ILS/DME đường CHC 11L/29R, rada quân sự, trạm quan trắc khí tượng, ra đa thời tiết.

- Hệ thống nguồn điện dự phòng:

+ 02 máy phát điện, loại 3 pha, công suất 200KVA/1 máy. Có hệ thống chuyển đổi nguồn tự động ATS giữa điện lưới-máy phát và máy phát-máy phát. Thời gian chuyển đổi nguồn điện là dưới 15 giây.

+ Hệ thống nguồn điện liên tục (UPS) làm việc ở chế độ Online, thời gian chuyển đổi nguồn điện dưới 01 giây. Hệ thống gồm có 03 UPS (02 UPS công suất 60kVA và 01 UPS công suất 40KVA).

d. Trạm điện SS4

- Đặt tại phía Bắc, gần đường lãn quân sự N5, phía đầu đường CHC 29R; nằm trên mạch vòng cấp điện lưới trung thế SS7 - SS5 - Đài K1 - SS2 - SS4 - SS6 - SS7. Trạm điện SS4 phục vụ hoạt động khai thác hệ thống thiết bị khu bay bao gồm: hệ thống ILS/DME đường CHC 11L/29R, đài GP 29L, đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay quân sự.

- Hệ thống nguồn điện dự phòng:

+ 02 máy phát điện, loại 3 pha, công suất 200KVA/1 máy. Có hệ thống chuyển đổi nguồn tự động ATS giữa điện lưới-máy phát và máy phát-máy phát. Thời gian chuyển đổi nguồn điện là dưới 15 giây.

+ Hệ thống nguồn điện liên tục (UPS) làm việc ở chế độ Online, thời gian chuyển đổi nguồn điện dưới 01 giây. Hệ thống gồm có 03 UPS (01 UPS công suất 60kVA và 02 UPS công suất 40KVA).

e. Trạm điện SS5

- Đặt tại phía Tây Nam đầu đường CHC 11R; nằm trên mạch vòng cấp điện lưới trung thế SS7 - SS5 - Đài K1 - SS2 - SS4 - SS6 - SS7. Trạm điện SS5 phục vụ hoạt động khai thác hệ thống thiết bị khu bay bao gồm: hệ thống ILS/DME đường CHC 11R/29L, trạm quan trắc khí tượng.

- Hệ thống nguồn điện dự phòng:

+ 02 máy phát điện, loại 3 pha, công suất 300KVA/1 máy. Vận hành ở chế độ tự động, hòa đồng bộ, thời gian chuyển đổi giữa nguồn điện lưới và nguồn điện dự phòng dưới 15 giây;

+ Hệ thống nguồn điện liên tục (UPS) làm việc ở chế độ Online, thời gian chuyển đổi nguồn điện dưới 01 giây, gồm: 03 UPS công suất 80KVA.

f. Trạm điện SS6

- Đặt tại phía Đông Nam đầu đường CHC 29L, nằm trên mạch vòng cấp điện lưới trung thế SS7 - SS5 - Đài K1 - SS2 - SS4 - SS6 - SS7. Trạm điện SS6 phục vụ hoạt động khai thác hệ thống thiết bị khu bay bao gồm: hệ thống ILS/DME đường CHC 11R/29L.

- Hệ thống nguồn điện dự phòng:

+ 02 máy phát điện, loại 3 pha, công suất 300KVA/1 máy. Vận hành ở chế độ tự động, hòa đồng bộ, thời gian chuyển đổi giữa nguồn điện lưới và nguồn điện dự phòng ≤ 15 giây;

+ Hệ thống nguồn điện liên tục (UPS) làm việc ở chế độ Online, thời gian chuyển đổi nguồn điện dưới 01 giây, gồm: 01 UPS công suất 80KVA, 01 UPS công suất 60KVA và 01 UPS công suất 20KVA;

3.2. Các vị trí làm việc, khu nghỉ giữa giờ và các vị trí liên quan khác

– Trụ sở chính của CSCCDV dẫn đường Nội Bài: tại Nhà ga hành khách T2, gần vị trí đỗ tàu bay số 25.

– Phòng trực/vị trí làm việc của đội Thiết bị Thông tin dẫn đường, tổ Thông tin và đường dây: tại tầng lửng cánh D của Nhà ga hành khách T1.

– Phòng trực/vị trí làm việc của đội Thiết bị Cơ điện đèn sân bay, tổ Điện cơ: tại Nhà ga hành khách T2, gần vị trí đỗ tàu bay số 16.

– Phòng trực/vị trí làm việc của Trục kỹ thuật tại TWR: Phòng Kỹ thuật, tầng 1, TWR Nội Bài – Công ty Quản lý bay miền Bắc.

– Phòng trực/vị trí làm việc của tổ Đài dẫn đường: tại Đài K2 nằm trên trục tim kéo dài và về phía Tây của đường CHC 11L/29R; nằm ngoài khu bay, trong khu dân cư thuộc xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

– Phòng trực/vị trí làm việc của tổ Trạm nguồn: tại Trạm SS2 nằm về phía Bắc, gần đường lãn quân sự N1, phía đầu đường CHC 11L.

– Các vị trí làm việc nêu trên đều được trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC, có hàng rào bảo vệ xung quanh, công tác an ninh đảm bảo và môi trường làm việc theo quy định.

– Mỗi một khu vực làm việc đều có khu nghỉ giữa giờ riêng biệt đảm bảo sức khỏe cho lực lượng trực tại chỗ 24/24h.

3.3. Bảng hiệu, ký hiệu liên quan, di chuyển trong khu vực làm việc

– Bảng hiệu tên: “Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không – Noi Bai Air Navigation Service”: Cửa phòng tầng 1 Nhà ga hành khách quốc tế T2

– Bảng hiệu tên “Đội Thiết bị Thông tin dẫn đường”: Cửa phòng trực đội.

– Bảng hiệu tên “Đội Thiết bị Cơ, điện, đèn sân bay”: Cửa phòng trực đội.

– Bảng hiệu tên “Trạm điện SS2”: Cổng Trạm SS2.

– Bảng hiệu tên “Trạm điện SS4”: Cửa phòng thiết bị Trạm SS4.

– Bảng hiệu tên “Trạm điện SS5”: Cửa phòng thiết bị Trạm SS5.

– Bảng hiệu tên “Trạm điện SS6”: Cửa phòng thiết bị Trạm SS6.

– Bảng hiệu tên “Đài dẫn đường K1”: Cổng đài K1.

– Bảng hiệu tên “Đài dẫn đường K2”: Cổng đài K2.

3.4. Nội quy ra vào cơ sở, vị trí làm việc, tiếp đón khách tham quan

– Nội quy ra vào CSCCDV dẫn đường Nội Bài đối với nhân viên và khách tham quan tuân thủ theo quy định của Cảng vụ hàng không miền Bắc và theo các quy định của NIA.

Mục 2

KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

3.5. Danh mục các hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị sử dụng

- Thiết bị ILS/DME đường CHC 11L.
- Thiết bị ILS/DME đường CHC 29R.
- Thiết bị ILS/DME đường CHC 11R.
- Thiết bị ILS/DME đường CHC 29L.
- Thiết bị Middle Marker đường CHC 11L.
- Thiết bị Outer Marker đường CHC 11L.
- Thiết bị NDB SA 50.
- Thiết bị NDB SA 500.

3.6. Mô tả tóm tắt bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền

3.6.1. Thiết bị ILS/DME đường CHC 11L

- Thiết bị ILS Localizer 11L:
 - + Vị trí: nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11L/29R, cách thêm 29R về phía Đông là 412m.
 - + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và giàn ăng ten 12 chân tử, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng từ trạm SS6 qua trạm biến áp đài LLZ 11R.
- Thiết bị ILS GlidePath 11L:
 - + Vị trí: cách thêm 11L về phía Đông là 320m, cách tim đường CHC 11L/29R về phía Bắc là 110m.
 - + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS2.
- Thiết bị DME 11L:
 - + Vị trí: được lắp đặt trong shelter cùng vị trí với thiết bị GlidePath 11L.
 - + Nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS2.

3.6.2. Thiết bị ILS/DME đường CHC 29R

- Thiết bị ILS Localizer 29R:
 - + Vị trí: nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11L/29R, cách thêm 11L về phía Tây là 295m.
 - + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và giàn ăng ten 16 chân tử, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS2.
- Thiết bị ILS GlidePath 29R:

- + Vị trí: cách thêm 29R về phía Tây là 320m, cách tim đường CHC 11L/29R về phía Bắc là 110m.

- + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS4.

- Thiết bị DME 29R:

- + Vị trí: được lắp đặt trong shelter cùng vị trí với thiết bị GlidePath 29R.

- + Nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS4.

3.6.3. Thiết bị ILS/DME đường CHC 11R

- Thiết bị ILS Localizer 11R:

- + Vị trí: nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11R/29L, cách thêm 29L về phía Đông là 336m.

- + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và giàn ăng ten 16 chân tử, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng từ trạm SS6 qua trạm biến áp đài LLZ 11R.

- Thiết bị ILS GlidePath 11R:

- + Vị trí: cách thêm 11R về phía Đông là 310m, cách tim đường CHC 11R/29L về phía Bắc là 120m.

- + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng từ trạm SS5 qua trạm biến áp đài GP 11R.

- Thiết bị DME 11R:

- + Vị trí: được lắp đặt trong shelter cùng vị trí với thiết bị GlidePath 11R.

- + Nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng từ trạm SS5 qua trạm biến áp đài GP 11R.

3.6.4. Thiết bị ILS/DME đường CHC 29L

- Thiết bị ILS Localizer 29L:

- + Vị trí: nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11R/29L, cách thêm 11R về phía Tây là 290m.

- + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và giàn ăng ten 16 chân tử, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm SS5.

- Thiết bị ILS GlidePath 29L:

- + Vị trí: cách thêm 29L về phía Tây là 320m, cách tim đường CHC 11R/29L về phía Bắc là 120m.

- + Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten, nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm nguồn đài LLZ 11R.

- Thiết bị DME 29L:

- + Vị trí: được lắp đặt trong shelter cùng vị trí với thiết bị GlidePath 29L.

+ Nguồn điện chính và dự phòng được cấp từ hệ thống điện mạch vòng qua trạm nguồn đài LLZ 11R.

3.6.5. Thiết bị Middle Marker đường CHC 11L

– Vị trí: được lắp đặt tại Đài K1, nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11L/29R, cách đầu thêm 11L về phía Tây là 970m.

– Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten kiểu chữ T cao 13m, sử dụng nguồn điện của Đài K1.

3.6.6. Thiết bị Outer Marker đường CHC 11L

– Vị trí: được lắp đặt tại Đài K2, nằm trên trục tim kéo dài của đường CHC 11L/29R, cách đầu thêm 11L về phía Tây là 5050m (ngoài trong khu dân cư).

– Bao gồm các thiết bị đặt trong phòng và ăng ten kiểu chữ T cao 13m, sử dụng nguồn điện của Đài K2.

3.6.7. Thiết bị NDB SA 50

– Vị trí: được lắp đặt tại Đài K1 (cùng vị trí với thiết bị Middle Marker 11L).

– Bao gồm các thiết bị đặt trong shelter và ăng ten kiểu chữ T cao 13m, sử dụng nguồn điện của Đài K1.

3.6.8. Thiết bị NDB SA 500

– Vị trí: được lắp đặt tại Đài K2 (cùng vị trí với thiết bị Outer Marker 11L).

– Bao gồm các thiết bị đặt trong phòng và ăng ten kiểu chữ T cao 30m, sử dụng nguồn điện của Đài K2.

3.7. Tóm tắt tính năng khai thác, các sản phẩm của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị

3.7.1. Thiết bị ILS/DME đường CHC 11L

- Hệ thống CAT II, có cấu hình kép, bao gồm:
 - + ILS Localizer 11L: tần số 110.5MHz, công suất 20W, tầm phủ 25NM.
 - + ILS GlidePath 11L: tần số 329.6MHz, công suất 6W, tầm phủ 10NM.
 - + DME 11L: kênh 42X, công suất 100W, tầm phủ 20NM.
- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: NB
- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát; hoạt động theo chế độ đồng thời hoặc riêng biệt; được điều khiển tại chỗ và điều khiển từ xa trên TWR, kết nối thông qua cáp quang từ TWR đến các vị trí đặt thiết bị.

3.7.2. Thiết bị ILS/DME đường CHC 29R

- Hệ thống CAT I, có cấu hình kép, bao gồm:
 - + ILS Localizer 29R: tần số 109.3MHz, công suất 20W, tầm phủ 25NM.
 - + ILS GlidePath 29R: tần số 332.0MHz, công suất 6W, tầm phủ 10NM.
 - + DME 29R: kênh 30X, công suất 100W, tầm phủ 20NM.
- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: INA

- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát; hoạt động theo chế độ đồng thời hoặc riêng biệt; được điều khiển tại chỗ và điều khiển từ xa trên TWR, kết nối thông qua cáp quang từ TWR đến các vị trí đặt thiết bị.

3.7.3. *Thiết bị ILS/DME đường CHC 11R*

- Hệ thống CAT II, có cấu hình kép, bao gồm:
 - + ILS Localizer 11R: tần số 108.3MHz, công suất 15W, tầm phủ 25NM.
 - + ILS GlidePath 11R: tần số 334.1MHz, công suất 5W, tầm phủ 10NM.
 - + DME 11R: kênh 20X, công suất 100W, tầm phủ 20NM.
- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: NBA
- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát; hoạt động theo chế độ đồng thời hoặc riêng biệt; được điều khiển tại chỗ và điều khiển từ xa trên TWR, kết nối thông qua cáp quang từ TWR đến các vị trí đặt thiết bị.

3.7.4. *Thiết bị ILS/DME đường CHC 29L*

- Hệ thống CAT I, có cấu hình kép, bao gồm:
 - + ILS Localizer 29L: tần số 111.9MHz, công suất 15W, tầm phủ 25NM.
 - + ILS GlidePath 29L: tần số 331.1MHz, công suất 5W, tầm phủ 10NM.
 - + DME 29L: kênh 56X, công suất 100W, tầm phủ 20NM.
- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: INB
- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát; hoạt động theo chế độ đồng thời hoặc riêng biệt; được điều khiển tại chỗ và điều khiển từ xa trên TWR, kết nối thông qua cáp quang từ TWR đến các vị trí đặt thiết bị.

3.7.5. *Thiết bị Middle Marker đường CHC 11L*

- Thiết bị có cấu hình kép, tần số: 75MHz, công suất: 2W, tầm phủ: 390m, phương thức phát: 2K70A2A.
- Điều khiển/giám sát tại chỗ, có hệ thống giám sát từ xa.

3.7.6. *Thiết bị Outer Marker đường CHC 11L*

- Thiết bị có cấu hình kép, tần số: 75MHz, công suất: 2W, tầm phủ: 970m, phương thức phát: 2K70A2A
- Điều khiển và giám sát tại chỗ.

3.7.7. *Thiết bị NDB SA 50*

- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: K.
- Thiết bị có cấu hình chính và dự phòng, tần số phát: 230kHz, công suất tối đa: 50W, tầm phủ: 9.3km, phương thức phát: 2K10A2A
- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát, điều khiển tại chỗ, có hệ thống giám sát từ xa.

3.7.8. *Thiết bị NDB SA 500*

- Mã số, địa chỉ kỹ thuật: KW.

- Thiết bị có cấu hình chính và dự phòng, tần số phát: 320kHz, công suất tối đa: 500W, tầm phủ: 27.8km, phương thức phát: 2K10A2A
- Có bộ giám sát và tự động chuyển đổi máy phát, điều khiển và giám sát tại chỗ.

3.8. Cách khai thác sử dụng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị và các ứng dụng

- Thực hiện theo các tài liệu, hướng dẫn công việc trong Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng của NIA.
- Các tài liệu, hướng dẫn công việc được nêu chi tiết tại Chương 5- Quy trình tác nghiệp của Tài liệu này.

3.9. Quy định về phối hợp xử lý khi có hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật

3.9.1. Đối với nhân viên trực khai thác thiết bị

- Chuyển sang thiết bị dự phòng.
- Kiểm tra sơ bộ và khắc phục sự cố nhỏ.
- Thông báo tình trạng hỏng hóc cho Kiểm soát viên không lưu đang khai thác thiết bị biết để có biện pháp xử lý, điều hành hoạt động bay thích hợp.
- Báo cáo cho cán bộ phụ trách ca trực về tình hình sự cố, phương án khắc phục và yêu cầu hỗ trợ nếu cần.
- Phối hợp với nhân viên trong ca trực, nhân viên bảo trì sửa chữa khắc phục sự cố.
- Tham gia lập biên bản kỹ thuật, báo cáo sự cố khi có yêu cầu.
- Ghi chép rõ ràng đầy đủ tình trạng hỏng hóc vào sổ trực. Bàn giao cụ thể với ca sau và rút kinh nghiệm nếu cần.

3.9.2. Đối với nhân viên bảo trì, sửa chữa thiết bị

- Phối hợp với nhân viên khai thác trong ca trực khắc phục kịp thời sự cố xảy ra.
- Kiểm tra thay thế ngay các bo mạch, sửa chữa ngay các phần bị hỏng của hệ thống trang thiết bị và xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên khi vượt quá thẩm quyền.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục quy định về biên bản kỹ thuật, giao nhận vật tư thay thế.
- Tham gia lập biên bản, báo cáo sự cố khi có yêu cầu.

3.9.3. Đối với cán bộ phụ trách ca trực

- Nhận thông tin về tình trạng hỏng hóc của thiết bị.
- Điều động lực lượng và phân công nhân viên hỗ trợ trực tiếp xử lý, khắc phục sự cố.
- Báo cáo cấp trên trực tiếp, Trưởng hoặc Phó trưởng cơ sở chuyên trách về tình hình sự cố, tiến trình xử lý khắc phục và xin ý kiến chỉ đạo hoặc yêu cầu hỗ trợ nếu cần thiết.

- Trực tiếp tham gia quá trình kiểm tra, sửa chữa và khắc phục sự cố. Quyết định và chịu trách nhiệm về xử lý các trường hợp bất thường.
- Thông báo cho Kiểm soát viên không lưu về tình hình hoạt động của thiết bị sau khi khắc phục xong sự cố.
- Đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm nếu cần và đề xuất các giải pháp nếu có.
- Tham gia lập biên bản, báo cáo sự cố khi có yêu cầu.

3.9.4. Đối với Trưởng/Phó trưởng cơ sở

- Nhận thông tin về tình trạng hỏng hóc của thiết bị. Chỉ đạo cán bộ các đội huy động mọi lực lượng, nhân viên hỗ trợ xử lý, khắc phục kịp thời sự cố.
- Báo cáo cho Ban giám đốc NAOC về tình hình sự cố, tiến trình xử lý khắc phục và xin ý kiến chỉ đạo giải quyết nếu cần thiết.
- Nếu sự cố nghiêm trọng, tham gia cùng Ban giám đốc NAOC báo cáo Giám đốc NIA và thông báo tới các đơn vị có liên quan.
- Thực hiện công tác báo cáo trước và sau khi khắc phục xong sự cố xảy ra đến các cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.10. Quy định, hướng dẫn khác (nếu có)

- Quy trình, hướng dẫn về công tác báo cáo và phối hợp xử lý khi có hư hỏng, sự cố trang thiết bị kỹ thuật được thực hiện theo:
 - + Quy định an toàn và xử lý tai nạn, sự cố, vụ việc, báo cáo an toàn hàng không Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
 - + Hướng dẫn HD01/HAN-KB về thông tin báo cáo và phối hợp xử lý trong công tác điều hành và đảm bảo hoạt động bay.
- Hướng dẫn HD08/HAN-KB về ứng phó tình huống khẩn cấp xử lý sự cố/vụ việc và báo cáo an toàn.
- Các hướng dẫn khác về xử lý tình huống và báo cáo được nêu trong các hướng dẫn công việc.

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1. Mô tả khu vực trách nhiệm

– Khu vực trách nhiệm chính của CSCCDV dẫn đường Nội Bài gồm Khu bay và khu vực tiếp cận hạ cánh tại sân bay.

4.2. Đối tượng cung cấp dịch vụ

- Tổ lái tàu bay.
- Các hãng hàng không trong nước, quốc tế đi/đến tại Cảng HKQT Nội Bài.
- CSCCDV không lưu.

4.3. Mô tả nội dung cung cấp dịch vụ, các phương thức khai thác và các quy định/lưu ý khác

– Nội dung cung cấp dịch vụ của CSCCDV dẫn đường Nội Bài cho các đối tượng sử dụng ở trên: Dịch vụ dẫn đường cho tàu bay tiếp cận hạ cánh, cất cánh.

– Phương thức khai thác: Dịch vụ dẫn đường được cung cấp trực tiếp cho các đối tượng sử dụng 24/24h theo yêu cầu hoạt động bay, phương thức bay và theo quy định của CAAV.

4.4. Hiệp đồng/hợp đồng cung cấp dịch vụ

– NIA có văn bản hiệp đồng trách nhiệm cung cấp và sử dụng trang thiết bị dẫn đường vô tuyến với các cơ quan đơn vị sau:

- + Công ty Quản lý bay miền Bắc.
- + Sư đoàn Không quân 371.

4.5. Phương thức xử lý các trường hợp bất thường trong quá trình cung cấp dịch vụ

– Khi xảy ra các trường hợp bất thường trong quá trình cung cấp dịch vụ, các sự cố hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật của hệ thống thiết bị trong phạm vi quản lý, CSCCDV dẫn đường Nội Bài có trách nhiệm xử lý như sau:

+ Chuyển sang khai thác các hệ thống, thiết bị dự phòng.

+ Thông báo ngay cho các CSCCDV không lưu để có phương thức điều hành bay phù hợp đảm bảo an toàn cho hoạt động bay.

+ Tập trung nguồn lực và phối hợp với các đơn vị liên quan để khẩn trương khắc phục những bất thường, hư hỏng, sự cố xảy ra nhằm nhanh chóng đưa hệ thống, thiết bị vào khai thác, cung cấp dịch vụ phục vụ bay

+ Báo cáo với các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định của CAAV, ACV, NIA khi xảy ra sự cố và sau khi khắc phục xong.

4.6. Các giới hạn/điểm cần lưu ý

- Theo giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.

CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP

5.1. Các loại quy trình

- Các quy trình được ban hành và nằm trong trong hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng của NIA.
- Các tài liệu, hướng dẫn công việc phân loại cơ bản như sau:
 - + Hướng dẫn nhiệm vụ ca trực, Sổ trực ca của các vị trí trực.
 - + Khai thác và vận hành hệ thống, thiết bị.
 - + Kiểm tra hệ thống, thiết bị.
 - + Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, thiết bị.
- Chi tiết các quy trình, hướng dẫn công việc được liệt kê tại Phụ lục 5.
- Ngoài ra, một số nội dung về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo dưỡng/ sửa chữa, công tác báo cáo được quy định tại Quy chế Quản lý kỹ thuật của ACV, NIA.

5.2. Quy trình xử lý các trường hợp bất thường

- Quy trình xử lý các trường hợp bất thường được thể hiện trong các quy định, hướng dẫn công việc:
 - + Quy định an toàn và xử lý tai nạn, sự cố, vụ việc, báo cáo an toàn hàng không Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
 - + Hướng dẫn HD01/HAN-KB về thông tin báo cáo và phối hợp xử lý trong công tác điều hành và đảm bảo hoạt động bay.
 - + Hướng dẫn HD08/HAN-KB về ứng phó tình huống khẩn cấp xử lý sự cố/vụ việc và báo cáo an toàn.
 - + Các hướng dẫn khác về xử lý tình huống và báo cáo được nêu trong các hướng dẫn công việc.

CHƯƠNG 6: HUẤN LUYỆN VÀ GIẤY PHÉP/NĂNG ĐỊNH

6.1. Các loại hình huấn luyện

6.1.1. Huấn luyện năng định

– Bộ phận thực hiện: Do Trung tâm Đào tạo huấn luyện Nội Bài thuộc NIA chủ trì thực hiện với đội ngũ giáo viên của đơn vị và giáo viên mời giảng của các đơn vị chuyên môn bên ngoài đã được CAAV cấp chứng chỉ Huấn luyện viên theo quy định.

– Đối tượng huấn luyện: Nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay đã được cấp chứng chỉ chuyên môn để tham dự kỳ sát hạch cấp năng định theo quy định trong lĩnh vực chuyên ngành.

– Cách thức tiến hành: Tùy theo yêu cầu cụ thể đơn vị lập kế hoạch trình cấp trên phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của CAAV, ACV.

– Tài liệu huấn luyện: Là các giáo trình giảng dạy theo chương trình huấn luyện đã được CAAV, ACV phê chuẩn; có kết hợp các văn bản pháp lý của Việt Nam, các tài liệu quốc tế liên quan.

– Thời gian và địa điểm thực hiện

+ Thời gian thực hiện tùy theo yêu cầu thực tế.

+ Địa điểm huấn luyện lý thuyết tại Trung tâm Đào tạo huấn luyện Nội Bài, huấn luyện thực hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài.

6.1.2. Huấn luyện định kỳ

– Bộ phận thực hiện: Như huấn luyện năng định.

– Đối tượng huấn luyện: Là các nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay đã có năng định, đang làm việc tại các vị trí năng định đã được cấp.

– Cách thức tiến hành: Đơn vị lập kế hoạch trình cấp trên phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của CAAV, ACV để huấn luyện nhắc lại các kiến thức đã được học và bổ sung cập nhật kiến thức mới chuyên ngành hàng không để duy trì khả năng làm việc.

– Tài liệu huấn luyện: Như huấn luyện năng định.

– Thời gian và địa điểm thực hiện:

+ Thời gian thực hiện phụ thuộc vào thời hạn của giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thời hạn thi nâng bậc.

+ Địa điểm huấn luyện lý thuyết tại Trung tâm Đào tạo huấn luyện Nội Bài, huấn luyện thực hành tại CSCCDV dẫn đường Nội Bài.

6.1.3. Huấn luyện phục hồi

– Bộ phận thực hiện: Như huấn luyện năng định.

– Đối tượng huấn luyện: Là các nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay có thời gian nghỉ giãn cách quá thời gian quy định để phục hồi khả năng đáp ứng công việc chuyên môn.

- Cách thức tiến hành: trên cơ sở thực tế, đơn vị lập danh sách những nhân viên thuộc đối tượng huấn luyện và kế hoạch trình cấp trên phê duyệt, tổ chức thực hiện theo quy định của CAAV, ACV.

- Tài liệu huấn luyện: Như huấn luyện năng định.

- Thời gian và địa điểm thực hiện: Như huấn luyện năng định.

6.1.4. Huấn luyện chuyển loại

- Bộ phận thực hiện: Như huấn luyện năng định.

- Đối tượng huấn luyện: Là các nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay khi chuyển đổi vị trí chuyên môn hoặc chuyển đổi vị trí năng định.

- Cách thức tiến hành: Tùy theo yêu cầu cụ thể đơn vị lập kế hoạch trình cấp trên phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của CAAV, ACV.

- Tài liệu huấn luyện: Như huấn luyện năng định.

- Thời gian và địa điểm thực hiện: Như huấn luyện năng định.

6.1.5. Huấn luyện nâng cao

- Bộ phận thực hiện: Như huấn luyện năng định và các cán bộ, các kỹ sư chuyên ngành hoặc các chuyên gia của Nhà sản xuất, lắp đặt thiết bị.

- Đối tượng huấn luyện: Là các nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Cách thức tiến hành: Tùy theo yêu cầu cụ thể đơn vị lập kế hoạch trình cấp trên phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của CAAV, ACV dưới các hình thức khác nhau như: tổ chức hội thảo chuyên ngành, huấn luyện nâng cao tay nghề chuyên môn kỹ thuật, huấn luyện khai thác/bảo dưỡng/lắp đặt thiết bị mới.

- Tài liệu huấn luyện: Do nội bộ đơn vị hoặc đơn vị bên ngoài xây dựng theo các nội dung, chủ đề đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Thời gian và địa điểm thực hiện: Thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

6.2. Lập và lưu trữ kế hoạch, báo cáo kết quả và hồ sơ huấn luyện

- Kế hoạch đào tạo, huấn luyện định kỳ/đột xuất dành cho nhân viên nhóm Quản lý hoạt động bay được thực hiện hàng năm.

- Hồ sơ theo dõi huấn luyện cá nhân, kế hoạch và báo cáo kết quả huấn luyện được lưu trữ dưới dạng bản cứng (văn bản) hoặc trên trang Web của đơn vị hoặc kết hợp lưu trữ đám mây hoặc trong máy tính (file mềm).

6.3. Các lưu ý về việc đề nghị cấp, gia hạn giấy phép/năng định

- Thực hiện theo:

- + Thông tư Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- + Thông tư Quy định về nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

CHƯƠNG 7: LẬP BÁO CÁO, TỔNG HỢP SỐ LIỆU VÀ SẢN PHẨM

7.1. Các loại báo cáo phải lập, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện

7.1.1. Danh mục báo cáo

- Báo cáo tình trạng hoạt động của hệ thống, thiết bị.
- Báo cáo khi có sự cố hỏng hóc đột xuất.
- Báo cáo sau khi thực hiện công tác bảo dưỡng.
- Báo cáo sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, khắc phục sự cố.
- Báo cáo về chất lượng dịch vụ và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.
- Các báo cáo khác thực hiện theo Quy chế Quản lý kỹ thuật của ACV và NIA.

7.1.2. Bộ phận/ Nhân viên thực hiện

- Báo cáo tình trạng hoạt động của hệ thống, thiết bị: Do nhân viên tổ thực hiện, trình Trưởng/Phó trưởng cơ sở phê duyệt nộp lên cấp trên theo yêu cầu.
- Báo cáo khi có sự cố hỏng hóc đột xuất: Do nhân viên tổ thực hiện, trình Trưởng/Phó trưởng cơ sở phê duyệt nộp lên cấp trên theo yêu cầu.
- Báo cáo sau khi thực hiện công tác bảo dưỡng: Do nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện, cán bộ phụ trách tổ kiểm tra, trình lên cấp trên nếu cần.
- Báo cáo sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, khắc phục sự cố: Do nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện, cán bộ phụ trách tổ/đội kiểm tra, trình lên cấp trên nếu cần.
- Báo cáo về chất lượng dịch vụ và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ: Do cán bộ phụ trách tổ thực hiện, trình Trưởng/Phó trưởng cơ sở phê duyệt nộp lên cấp trên theo yêu cầu.

7.1.3. Thời gian thực hiện

- Báo cáo định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống, thiết bị: Theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm hoặc đột xuất.
- Báo cáo khi có sự cố hỏng hóc đột xuất: Báo cáo đột xuất theo yêu cầu và theo quy định của CAAV và ACV.
- Báo cáo sau khi thực hiện công tác bảo dưỡng: Định kỳ và đột xuất sau khi hoàn thành việc bảo dưỡng hệ thống, thiết bị theo quy trình đã ban hành.
- Báo cáo sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, khắc phục sự cố: Đột xuất sau khi thực hiện xong công việc theo quy định của CAAV và ACV.
- Báo cáo về chất lượng dịch vụ và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ: Theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm hoặc đột xuất.

7.2. Các loại số liệu tổng hợp, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện

7.2.1. Danh mục các loại số liệu tổng hợp

- Thông số kỹ thuật giám sát tình trạng hoạt động của hệ thống, thiết bị.
- Tần suất xảy ra sự cố hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật của hệ thống, thiết bị.

- Kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn định kỳ hệ thống thiết bị dẫn đường và kết quả kiểm tra mặt đất các thiết bị dẫn đường trước khi bay hiệu chuẩn.

7.2.2. Bộ phận/ Nhân viên thực hiện

- Thông số kỹ thuật giám sát tình trạng hoạt động: Do nhân viên kỹ thuật trực tiếp tổng hợp khi khai thác, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, thiết bị, cán bộ phụ trách tổ kiểm tra.

- Tần suất xảy ra sự cố hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật: Do nhân viên tổ tổng hợp.

- Kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn định kỳ hệ thống thiết bị dẫn đường và kết quả kiểm tra mặt đất các thiết bị dẫn đường trước khi bay hiệu chuẩn: Do cán bộ phụ trách tổ tổng hợp.

7.2.3. Thời gian thực hiện

- Thông số kỹ thuật giám sát tình trạng hoạt động: Định kỳ sau khi khai thác, bảo dưỡng hệ thống, thiết bị theo quy trình, hoặc đột xuất theo yêu cầu hay sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, khắc phục sự cố.

- Tần suất xảy ra sự cố hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật: Định kỳ tuần, tháng, quý, năm hoặc đột xuất.

- Kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn định kỳ hệ thống thiết bị dẫn đường và kết quả kiểm tra mặt đất các thiết bị dẫn đường trước khi bay hiệu chuẩn: Định kỳ theo theo kế hoạch thực tế hàng năm.

7.3. Các loại sản phẩm lưu trữ

- Thông số kỹ thuật giám sát tình trạng hoạt động của các hệ thống, thiết bị được lưu trữ dài hạn, định kỳ theo quy trình bảo dưỡng, hoặc đột xuất theo yêu cầu hay sau khi hoàn tất công tác sửa chữa, khắc phục sự cố.

- Thông số kỹ thuật trang thiết bị ILS/DME: Lưu trữ hàng ngày tại TWR.

- Giấy phép hoạt động cho các thiết bị ILS/DME do CAAV cấp được lưu tại tổ Kỹ thuật dẫn đường.

- Các văn bản liên quan đến bay hiệu chuẩn hàng năm của các thiết bị: Phê chuẩn kế hoạch, kết quả bay hiệu chuẩn, phê duyệt kết quả bay hiệu chuẩn được lưu tại tổ Kỹ thuật dẫn đường.

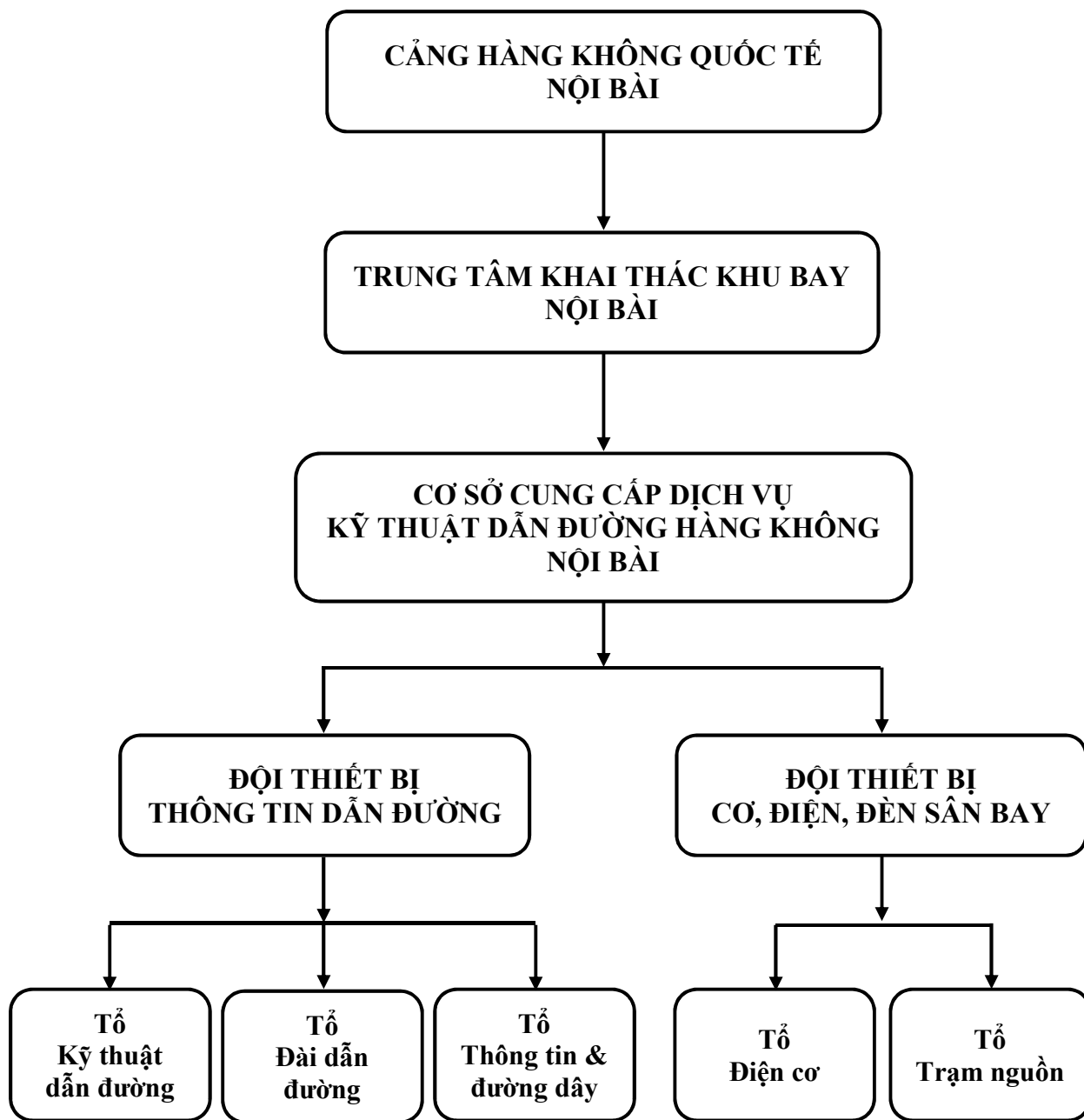
- Các báo cáo liên quan đến trang thiết bị: Báo cáo kỹ thuật, báo cáo hư hỏng và hoàn tất khắc phục.

- Các sản phẩm được lưu trữ dưới dạng bản cứng (văn bản), trên trang Web của đơn vị hoặc cơ sở dữ liệu của cơ sở hoặc trong máy tính (file mềm).

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

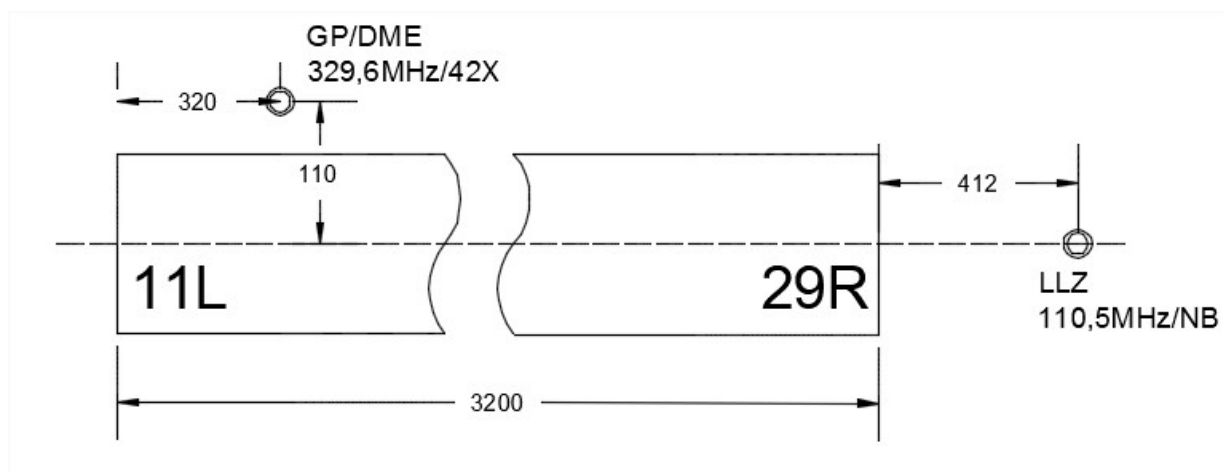
- Phụ lục 1: Sơ đồ tổ chức của CSCCDV dẫn đường Nội Bài
- Phụ lục 2: Sơ đồ bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền
- Phụ lục 3: Tên gọi, địa chỉ liên hệ của các đầu mối quan hệ hiệp đồng
- Phụ lục 4: Danh mục các văn bản hiệp đồng/hợp đồng liên quan
- Phụ lục 5: Danh mục tài liệu hướng dẫn của hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng
- Phụ lục 6: Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không

Phụ lục 1: Sơ đồ tổ chức
Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không Nội Bài

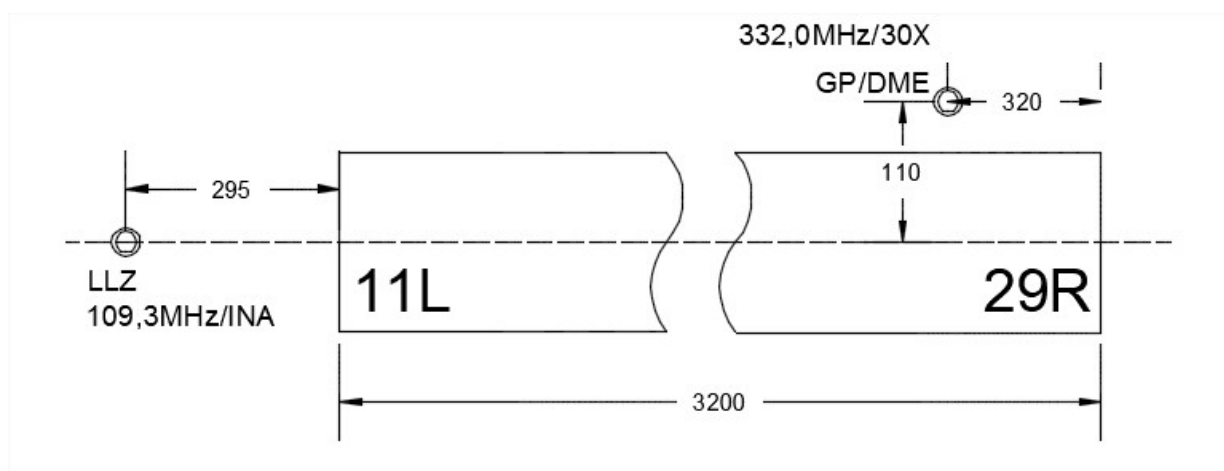


Phụ lục 2: Sơ đồ bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền

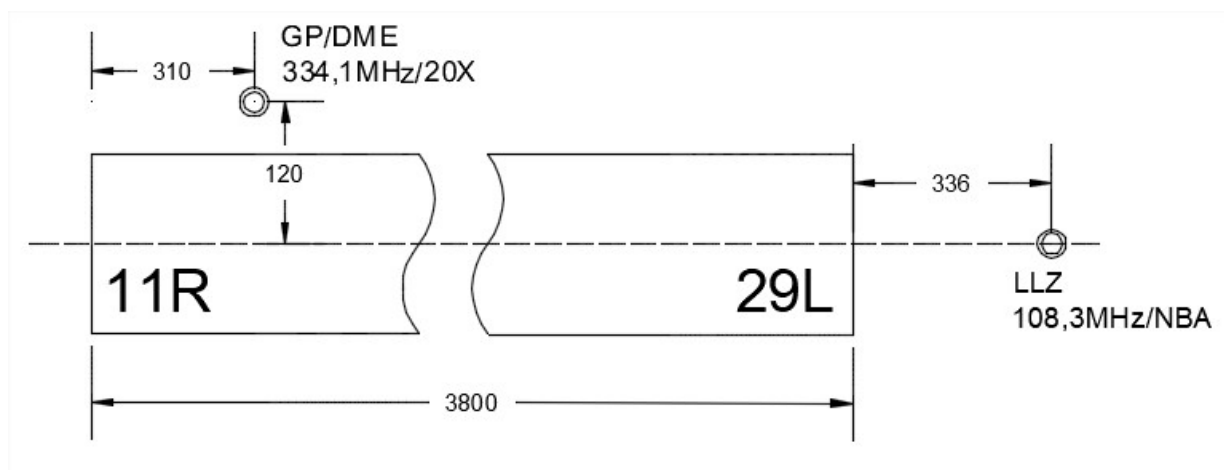
2a. Hệ thống ILS/DME đường cất hạ cánh 11L



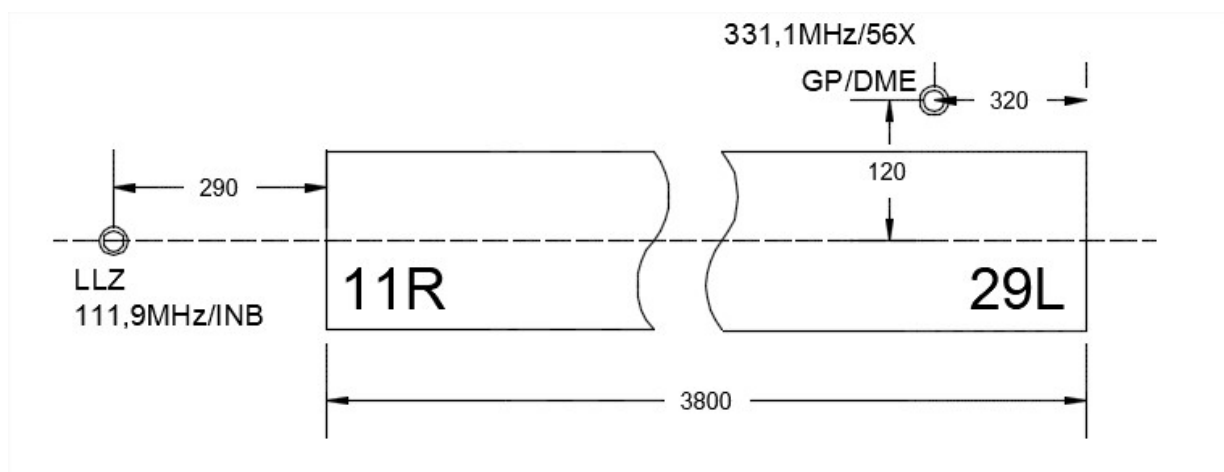
2b. Hệ thống ILS/DME đường cất hạ cánh 29R



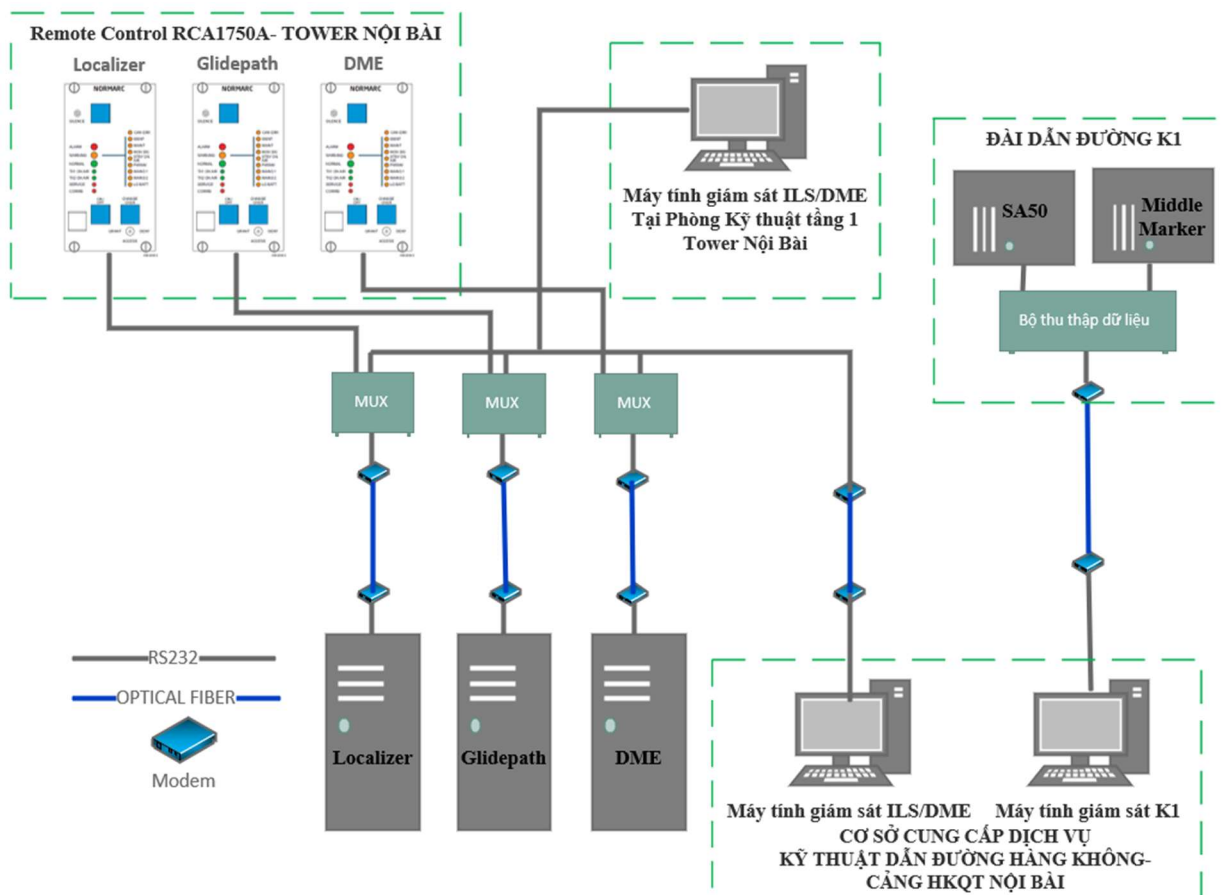
2c. Hệ thống ILS/DME đường cất hạ cánh 11R



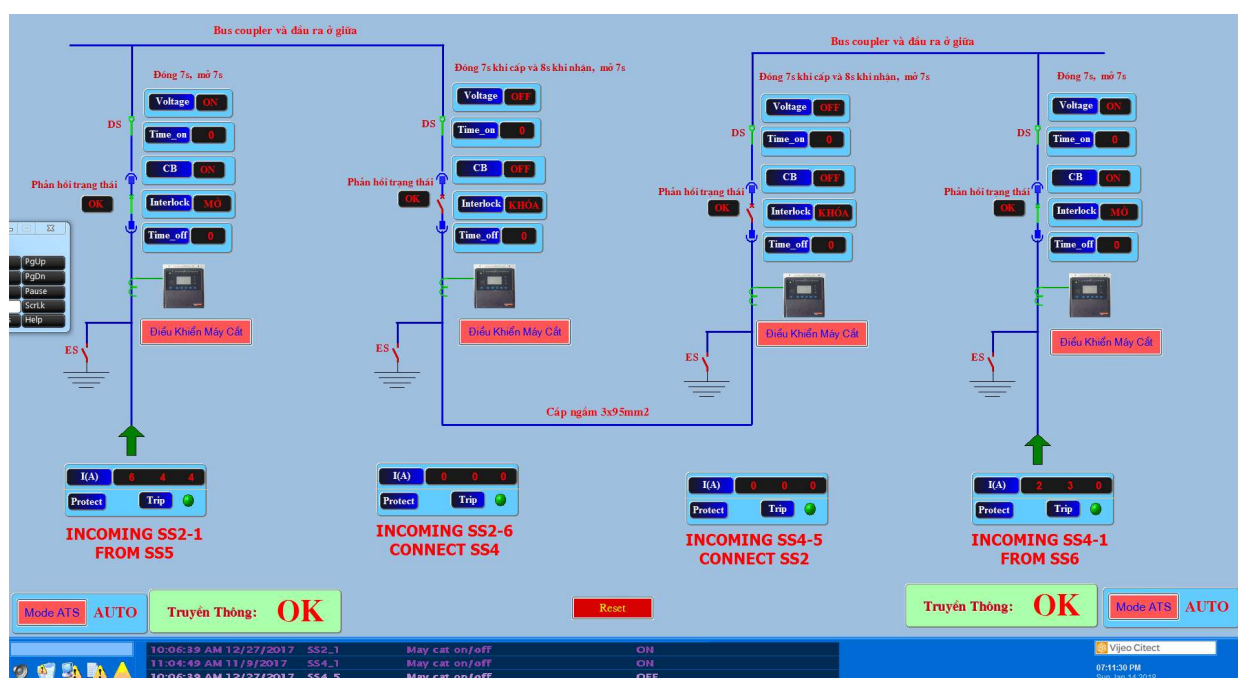
2d. Hệ thống ILS/DME đường cất hạ cánh 29L



2e. Hệ thống đường truyền ILS/DME 11L, 29R, 11R, 29L và Midle Marker, NDB



2f. Hệ thống đường truyền hệ thống nguồn



Phụ lục 3: Tên gọi, địa chỉ liên hệ của các đầu mối quan hệ hiệp đồng

1. Công ty Quản lý bay miền Bắc

1.1. Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Nội Bài

a. APP Nội Bài

- Điện thoại: 024.38866186/ 024.38866107; Nội bộ: 3028
- Fax/Email: 024.38866107
- AFTN/AMHS: VVNBZAZX

b. TWR Nội Bài

- Điện thoại: 024.38865178/ 024.35840887; Nội bộ: 3038/ 3073
- Fax/Email: 024.36789737
- AFTN/AMHS: VVNBZTZX

1.2. Trung tâm Bảo đảm kỹ thuật

a. Đội Kỹ thuật đài kiểm soát không lưu Nội Bài

- Điện thoại: 024.38865106; Nội bộ: 3163

b. Đội Kỹ thuật khí tượng

- Điện thoại: 024.38865680; Nội bộ: 3048

c. Thiết bị thông tin TWR/ Công nghệ thông tin/ Cơ điện TWR

- Điện thoại nội bộ: 3166/ 3169/ 3164.

2. Trung tâm Thông báo tin tức hàng không

2.1. Phòng NOTAM quốc tế

- Điện thoại: 024.38720619; Nội bộ: 024.3871513 - 8248
- Fax/Email: 024.38728781/ nof@vatm.vn, nof@vnaic.vn.
- AFTN/AMHS: VVNBYYNYX

2.2. Trung tâm ARO/AIS Nội Bài

- Điện thoại: 024.35844161 Nội bộ: 6301/ 3074
- Fax/Email: 024.35844306/ noibaiaro@vatm.vn, noibaiaro@vnaic.vn.
- AFTN/AMHS: VVNBZPZX

3. Trung tâm Khí tượng hàng không Nội Bài

3.1. Trực Dự báo

- Điện thoại: 024.38865512 Nội bộ: 3079
- Fax/Email: 024.35810274/ metaronoibai@vatm.vn.
- AFTN/AMHS: VVNBYYMYX

3.2. Trực Quan trắc

- Điện thoại: 024.35810447 Nội bộ: 3068
- AFTN/AMHS: VVNBYYMYX

4. Sư đoàn 371

4.1. Sở chỉ huy Sư đoàn

– Điện thoại: 024.38851102/ 024.38840613/ 069871255/ 069871299

4.2. Trung tâm Quản lý, điều hành bay khu vực I

– Điện thoại: 024.38851102/ 024.38840613/ 069871255/ 069871299

4.3. Tiểu đoàn căn cứ sân bay Nội Bài

a. Trục ban tác chiến

– Điện thoại: 024.35820269/ 069874411/ 069874412

b. Tiểu đoàn trưởng

– Điện thoại: 069874410/ 0975974569 (Đỗ Hữu Tùng)

Phụ lục 4: Danh mục các văn bản hiệp đồng/hợp đồng liên quan

- 1. Văn bản hiệp đồng** Quản lý, khai thác khu vực dùng chung phía Bắc sân bay Nội Bài giữa Cảng HKQT Nội Bài, Sư đoàn Không quân 371 và Công ty Quản lý bay miền Bắc.
- 2. Quy chế phối hợp** công việc giữa Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (VATM) và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV).
- 3. Văn bản hiệp đồng** Bảo đảm hoạt động bay giữa Công ty Quản lý bay miền Bắc – VATM và Cảng HKQT Nội Bài – ACV.
- 4. Văn bản hiệp đồng** Bảo đảm kỹ thuật giữa Công ty Quản lý bay miền Bắc – VATM và Cảng HKQT Nội Bài – ACV.
- 5. Văn bản hiệp đồng** Bảo đảm dịch vụ khí tượng hàng không giữa Trung tâm Khí tượng hàng không – VATM và Cảng HKQT Nội Bài – ACV.
- 6. Văn bản hiệp đồng** Bảo đảm dịch vụ tại Cảng HKQT Nội Bài giữa Trung tâm Thông báo tin tức hàng không – VATM và Cảng HKQT Nội Bài – ACV.

Phụ lục 5: Danh mục tài liệu hướng dẫn
Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
1.	<i>Tài liệu hướng dẫn về công tác kiểm tra</i>	
1.1	Hướng dẫn kiểm tra an toàn khu bay	HD03/HAN-KB
2.	<i>Tài liệu hướng dẫn của đội Thiết bị Thông tin dẫn đường</i>	
2.1	Chức năng nhiệm vụ đội Thiết bị thông tin dẫn đường	HD01/HAN-KB-TT
2.2	Hướng dẫn nhiệm vụ ca trực đội Thiết bị thông tin dẫn đường	HD02/HAN-KB-TT
2.3	Hướng dẫn vận hành thiết bị trạm nguồn đài dẫn đường K2	HD03/HAN-KB-TT
2.4	Hướng dẫn vận hành thiết bị Marker và NDB	HD04/HAN-KB-TT
2.5	Hướng dẫn sửa chữa thiết bị Marker và NDB	HD05/HAN-KB-TT
2.6	Hướng dẫn bảo dưỡng thiết bị Marker và NDB	HD06/HAN-KB-TT
2.7	Hướng dẫn vận hành hệ thống ILS	HD07/HAN-KB-TT
2.8	Hướng dẫn vận hành hệ thống DME	HD08/HAN-KB-TT
2.9	Hướng dẫn sửa chữa thiết bị ILS/DME	HD09/HAN-KB-TT
2.10	Hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống ILS/DME	HD10/HAN-KB-TT
2.11	Hướng dẫn bảo dưỡng thiết bị tin học	HD11/HAN-KB-TT
2.12	Hướng dẫn bảo dưỡng tủ bảng cáp	HD17/HAN-KB-TT
2.13	Hướng dẫn kiểm tra - sửa chữa cáp quang	HD18/HAN-KB-TT
2.14	Hướng dẫn kiểm tra kỹ thuật mặt đất thiết bị dẫn đường hàng không (Ground Check)	HD21/HAN-KB-TT
3.	<i>Tài liệu hướng dẫn của đội Thiết bị Cơ, điện, đèn sân bay</i>	
3.1	Chức năng nhiệm vụ đội Thiết bị cơ, điện, đèn sân bay	HD01/HAN-KB-DD
3.2	Hướng dẫn nhiệm vụ ca trực đội Thiết bị cơ, điện, đèn sân bay	HD02/HAN-KB-DD
3.3	Hướng dẫn vận hành thiết bị trạm nguồn	HD07/HAN-KB-DD
3.4	Hướng dẫn bảo dưỡng điều hòa nhiệt độ	HD09/HAN-KB-DD

3.5	Hướng dẫn bảo dưỡng hệ thống UPS	HD13/HAN-KB-DD
3.6	Hướng dẫn đo kiểm tra điện trở đất	HD16/HAN-KB-DD
4.	<i>Quy trình xử lý các trường hợp bất thường</i>	
4.1	Hướng dẫn thông tin báo cáo và phối hợp xử lý trong công tác điều hành và đảm bảo hoạt động	HD01/HAN-KB
4.2	Hướng dẫn ứng phó tình huống khẩn cấp, xử lý sự cố/vụ việc và báo cáo an toàn	HD08/HAN-KB

** Danh mục tài liệu có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế về chức năng nhiệm vụ, hệ thống trang thiết bị, ... của đơn vị hoặc theo yêu cầu của Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường – Năng lượng.*

Phụ lục 6: Sổ trực ca Cơ sở cung cấp dịch vụ kỹ thuật dẫn đường hàng không

**CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI
TRUNG TÂM KHAI THÁC KHU BAY NỘI BÀI**

**SỔ TRỰC CA
CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
CẢNG HKQT NỘI BÀI**

Tháng năm 20.....

SỔ TRỰC CA
CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
CẢNG HKQT NỘI BÀI

- 1. Thời gian trực:** ngày ... / ... / 20.....
- 2. Trực điều hành CSCCDV:**
- 3. Tình hình trong ca trực**
 - 3.1. Ý kiến chỉ đạo của cấp trên*
.....
.....
 - 3.2. An ninh, an toàn và chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động, kiểm soát nồng độ cồn/chất kích thích/chất gây nghiện, sức khỏe tinh thần (của các vị trí trực trong CSCCDV dẫn đường)*
.....
.....
 - 3.3. Phương tiện, trang thiết bị, công cụ dụng cụ (nếu có)*
.....
.....
 - 3.4. Công tác chuyên môn (ghi tóm tắt kết quả thực hiện của các ca trực thuộc CSCCDV dẫn đường, sự cố/vụ việc và kết quả xử lý nếu có)*
.....
.....
.....
 - 3.5. Kết quả kiểm tra, giám sát (nếu có)*
.....
.....
- 4. Nội dung giao/nhận ca** *(ghi nội dung các công việc cần tiếp tục theo dõi, sửa chữa hoặc triển khai mới)*
.....
.....

NGƯỜI GIAO CA

NGƯỜI NHẬN CA